

NỘI DUNG THỦ THỰC HÀNH CHÍNH

LĨNH VỰC THỦY SẢN

1. Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (vì mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu, hợp tác quốc tế) - 1.003851

a) Trình tự thực hiện:

(1) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm theo quy định đến Sở Nông nghiệp và Môi trường bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

(2) Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

(3) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định (có thể thành lập Hội đồng thẩm định đối với trường hợp nhiệm vụ bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo giống ban đầu, hợp tác quốc tế không phải do cơ quan nhà nước phê duyệt); lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc tổ chức được giao quản lý khu vực dự kiến khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (nếu có) và xem xét, quyết định cấp Văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm. Trường hợp không cấp văn bản chấp thuận thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm;

- Phương án khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ (thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết TTHC còn 10 ngày làm việc).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Cơ quan trực tiếp giải quyết TTHC: Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm theo Mẫu số 05 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025.

Văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có hiệu lực theo thời gian thực hiện nhiệm vụ bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo giống ban đầu, hợp tác quốc tế.

i) Phí, lệ phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 03 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025;

- Phương án khai thác theo Mẫu số 04 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy sản năm 2017, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 14 Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

- Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

Mẫu số 03 (Phụ lục IV Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP VĂN BẢN CHẤP THUẬN
KHAI THÁC LOÀI THỦY SẢN NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh

- Tên tổ chức/cá nhân:
- Giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập tổ chức (đối với tổ chức
- ghi rõ số, ngày cấp, cơ quan cấp):
- Mã số định danh/Căn cước/thẻ căn cước công dân (đối với cá nhân):.....
- Địa chỉ:
- Điện thoại liên hệ:
- Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp Văn bản chấp thuận khai thác loài
thủy sản nguy cấp, quý, hiếm, chi tiết như sau:
1. Mục đích khai thác:.....
 2. Đối tượng, thời gian, phương tiện, ngư cụ khai thác:

TT	Tên loài		Số lượng/ khối lượng khai thác	Vùng khai thác	Thời gian khai thác (dự kiến)	Phương tiện khai thác	Ngư cụ khai thác
	Tên tiếng Việt	Tên khoa học					
1							
2							
...							

3. Tài liệu chứng minh mục đích khai thác thủy sản nguy cấp, quý, hiếm:
 - Số ký hiệu văn bản ký kết hợp tác quốc tế cấp quốc gia về cho, tặng, trao đổi loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (do cơ quan có thẩm quyền cấp) đối với trường hợp khai thác vì mục đích hợp tác quốc tế):.....
 - Số ký hiệu Quyết định phê duyệt đề cương nghiên cứu khoa học, bảo tồn, nghiên cứu tạo giống ban đầu (do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp) đối với trường hợp khai thác vì mục đích nghiên cứu khoa học, bảo tồn, nghiên cứu tạo giống ban đầu):
.....
 - Số ký hiệu văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đề nghị cấp văn bản chấp thuận (do cơ quan có thẩm quyền cấp):
 4. Các tài liệu, hồ sơ kèm theo (nếu có)
- Chúng tôi cam kết thực hiện theo đúng mục đích, phương án khai thác và quy định pháp luật về thủy sản.

.....,ngày..... tháng năm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu/chữ ký số (nếu có))

Mẫu số 04 (Phụ lục IV Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC LOÀI THỦY SẢN NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM****1. Đặt vấn đề:**

Giới thiệu về chức năng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành, quá trình thực hiện các hoạt động có liên quan, ... của đơn vị tư vấn, tổ chức, cá nhân thực hiện việc khai thác; điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và những nghiên cứu đã được thực hiện ở địa bàn trước đây và các thông tin khác có liên quan. Số liệu đánh giá tổng thể về quần thể loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm trên thế giới (nếu có) và ở Việt Nam.

2. Tổng quan khu vực thực hiện:

Nêu rõ địa điểm, ranh giới, diện tích khu vực khai thác; hiện trạng nguồn lợi thủy sản ở khu vực dự kiến khai thác.

3. Phương pháp, thời gian thực hiện (thống kê các nội dung điều tra và các phương pháp đã thực hiện các nội dung đó, kèm theo các mẫu biểu nếu có):

4. Đề xuất phương án khai thác: Phương tiện, công cụ, hình thức khai thác.

5. Kết quả dự kiến của nhiệm vụ bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo giống ban đầu, hợp tác quốc tế:

6. Kết luận và kiến nghị:

7. Phụ lục: Trình bày những thông tin chưa được nêu trong phần kết quả như: danh mục loài thủy sản, các bảng số liệu, hình ảnh và các tài liệu khác có liên quan.

8. Tài liệu tham khảo:.....

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ, tên, chức vụ/chữ ký số (nếu có))

Mẫu số 05 (Phụ lục IV Ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....
V/v chấp thuận khai thác loài thủy sản
nguy cấp, quý, hiếm

....., ngày ... tháng ... năm

Kính gửi:

Căn cứ Luật Thủy sản năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025;

Căn cứ Thông tư số /2025/TT-BNNMT ngày ... tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

Trên cơ sở hồ sơ của (tổ chức/cá nhân), hồ sơ thẩm định của (tên cơ quan được giao thẩm định), Sở Nông nghiệp và Môi trường đồng ý cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm cho:

Tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Giấy phép đăng ký kinh doanh/Thông tin cá nhân:

Giấy phép khai thác thủy sản số (nếu có):

Khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm phục vụ mục đích, chi tiết như sau:

TT	Tên loài		Số lượng/ khối lượng khai thác	Vùng khai thác	Thời gian khai thác	Phương tiện khai thác	Loại nghề khai thác
	Tên tiếng Việt	Tên khoa học					
1							
2							
...							

Giao [tên cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh/Ủy ban nhân dân cấp xã] kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn quản lý.

Tổ chức, cá nhân khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có trách nhiệm thực hiện theo đúng mục đích, phương án khai thác và quy định pháp luật có liên quan.

Văn bản này có giá trị đến hết ngày tháng.... năm

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan quản lý NN về thủy sản cấp tỉnh (để p/h);
- Cơ quan quản lý NN về thủy sản thuộc Bộ NN&MT (để b/c);
-
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

2. Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên) - 1.004923

a) Trình tự thực hiện:

(1) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng theo quy định đến Sở Nông nghiệp và Môi trường bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

(2) Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

(3) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, trụ sở Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và khu dân cư nơi dự kiến thực hiện đồng quản lý;

(4) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;

(5) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng. Trường hợp không công nhận và không giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ

của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng;
- Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý;
- Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng;
- Biên bản họp tổ chức cộng đồng.

(2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thông báo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ;
- Thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định: 33 ngày làm việc (thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết TTHC còn 16,5 ngày làm việc).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức cộng đồng.

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố
- Cơ quan trực tiếp giải quyết: Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y - Sở Nông nghiệp và Môi trường

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025.

i) Phí, lệ phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025;
- Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025;
- Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025;

- Biên bản họp tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy sản năm 2017, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 14 Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

- Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

Mẫu số 01 (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN VÀ GIAO QUYỀN QUẢN LÝ
CHO TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố/xã/phường/đặc khu

Tên tôi là:..... Giới tính:.....
Ngày tháng năm sinh:..... Dân tộc:
Mã số định danh/Thẻ căn cước/Căn cước công dân:.....
Nghề nghiệp:.....
Chỗ ở hiện tại:.....
Số điện thoại liên hệ:.....

Là người đại diện cho [Tên tổ chức cộng đồng]:

Số lượng thành viên:(Danh sách thành viên tổ chức cộng đồng kèm theo)

Từ nhu cầu và sự tự nguyện của các thành viên trong cộng đồng với mục tiêu cùng chia sẻ quyền hạn, trách nhiệm trong quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản với Nhà nước, chúng tôi [Tên tổ chức cộng đồng], được thành lập theo Quyết định số ngày.....tháng năm (nếu có), nhận thấy [khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý] có nguồn lợi thủy sản cần được quản lý và bảo vệ nhằm duy trì sinh kế bền vững cho người dân có hoạt động thủy sản tại đây. Do đó, các thành viên [Tên tổ chức cộng đồng] đã thảo luận và thống nhất xây dựng hồ sơ đề nghị công nhận và giao quyền quản lý tại [khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý] để thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản, với nội dung chính như sau:

1. Quyền quản lý đề nghị được giao [theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Luật Thủy sản].
2. Vị trí, ranh giới khu vực địa lý đề nghị được giao [nêu rõ tên khu vực và tọa độ khu vực (nếu có)].
3. Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng (Chi tiết tại hồ sơ gửi kèm).

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố/xã/phường/đặc khu..... xem xét, quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho [Tên tổ chức cộng đồng].

Chúng tôi cam kết sẽ quản lý khu vực được giao theo nội dung được công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản và tuân thủ các quy định của pháp luật./.

....., ngày thángnăm

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức (nếu có))

Danh sách thành viên tổ chức cộng đồng:

TT	Họ và tên	Năm sinh	Số người trong hộ làm nghề liên quan đến thủy sản	Chỗ ở hiện tại	Khai thác thủy sản					Nuôi trồng thủy sản					Nghề khác	
					Số đăng ký tàu cá	Chiều dài tàu cá (m)	Nghề khai thác thủy sản	Ngư trường khai thác chính	Nguồn thu nhập (chính/phụ)	Khu vực nuôi	Diện tích nuôi	Đôi tượng nuôi	Hình thức nuôi	Nguồn thu nhập (chính/phụ)	Tên nghề	Nguồn thu nhập (chính/phụ)
A	Thành viên là hộ gia đình															
B	Thành viên là cá nhân															

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

*(Chữ ký của người có thẩm quyền;
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức (nếu có))*

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02 (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)**PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ VÀ KHAI THÁC NGUỒN LỢI THỦY SẢN**

Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý gồm các thông tin chủ yếu như sau:

1. Thông tin chung

a) Tổ chức cộng đồng: tên tổ chức cộng đồng; số lượng thành viên.

b) Khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý: vị trí, ranh giới, tọa độ (nếu có), bao gồm sơ đồ vị trí khu vực kèm theo.

2. Sự cần thiết thực hiện đồng quản lý

(Nêu thông tin về hiện trạng nguồn lợi thủy sản, hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản, du lịch giải trí kết hợp hoạt động thủy sản, kinh tế xã hội; khó khăn, thách thức tại khu vực thực hiện đồng quản lý; dự kiến những vấn đề có thể khắc phục khi thực hiện đồng quản lý hoặc thông tin khác (nếu có) để từ đó thấy được sự cần thiết thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực nêu trên)

3. Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực thực hiện đồng quản lý

a) Mục tiêu, đối tượng thủy sản cần bảo vệ.

b) Phương án tổ chức bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản.

c) Phương án tổ chức hoạt động nuôi trồng thủy sản (nếu có).

d) Phương án tổ chức du lịch giải trí kết hợp hoạt động thủy sản (nếu có).

đ) Phương án tổ chức hoạt động khác (nếu có).

4. Giải pháp và tổ chức thực hiện phương án

(Nêu chi tiết hoạt động để thực hiện phương án; nhiệm vụ của tổ chức cộng đồng và các bên liên quan để thực hiện phương án và nội dung khác (nếu có))

Mẫu số 03 (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

(Tên tổ chức cộng đồng, nguyên tắc, mục đích hoạt động của tổ chức cộng đồng)

Chương II

THÀNH VIÊN TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

(Quy định về đăng ký tham gia tổ chức cộng đồng và chấm dứt tư cách thành viên tổ chức cộng đồng; quyền và nghĩa vụ của thành viên tổ chức cộng đồng; quyền và nghĩa vụ của cá nhân, hộ gia đình không phải là thành viên tổ chức cộng đồng tham gia hoạt động thủy sản tại khu vực đồng quản lý (nếu có))

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHIỆM VỤ CỦA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

Điều....: Ban đại diện của tổ chức cộng đồng

1. Ban đại diện hoặc ban tương đương của tổ chức cộng đồng có tư cách pháp nhân (sau đây gọi là Ban đại diện) do thành viên tổ chức cộng đồng bầu, có trách nhiệm tổ chức, quản lý hoạt động của tổ chức cộng đồng, kết nối giữa cộng đồng và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Nhiệm vụ cụ thể

Điều....: Người đại diện tổ chức cộng đồng

1. Người đại diện tổ chức cộng đồng là người thuộc Ban đại diện, do thành viên tổ chức cộng đồng bầu.

2. Nhiệm vụ cụ thể

Điều....: Đội tuần tra, giám sát

1. Đội tuần tra, giám sát do Ban đại diện phân công, thực hiện tuần tra, giám sát, bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực được giao quản lý; phối hợp với cơ quan chức năng và chính quyền địa phương trong hoạt động kiểm tra, giám sát, lập biên bản và xử lý vi phạm pháp luật về thủy sản.

2. Nhiệm vụ cụ thể

Điều....: Đội tự quản

1. Đội tự quản được tổ chức theo nghề khai thác; theo lĩnh vực hoạt động hoặc theo đơn vị hành chính do các thành viên tổ chức cộng đồng tự nguyện tham gia. Đội thực hiện nhiệm vụ theo quy chế của tổ chức cộng đồng và phân công của Ban đại diện.

2. Nhiệm vụ cụ thể.

Điều....: Các đội khác (nếu có)

1. Các đội khác theo nhu cầu của tổ chức cộng đồng.
2. Nhiệm vụ cụ thể. (Mỗi ban, đội có người đứng đầu và các thành viên)

Điều....: Nhiệm vụ của tổ chức cộng đồng: tuyên truyền, tập huấn; tuần tra, kiểm soát; tái tạo nguồn lợi thủy sản; thu thập thông tin, đánh giá hiện trạng nguồn lợi thủy sản, kinh tế xã hội và nhiệm vụ khác (nếu có).

Chương IV

CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

Điều....: Bầu cử Ban đại diện, người đại diện của tổ chức cộng đồng.

Điều....: Chế độ họp định kỳ hằng năm hoặc đột xuất của tất cả thành viên tổ chức cộng đồng; chế độ họp định kỳ hoặc đột xuất của Ban đại diện, Đội tuần tra, giám sát, Đội tự quản và các Đội khác.

Điều....: Tài chính cho hoạt động của tổ chức cộng đồng (quy định về thu, chi và thành lập quỹ cộng đồng (nếu có)).

Điều....: Chia sẻ lợi ích của thành viên trong tổ chức cộng đồng (nếu có).

Điều....: Tuần tra, kiểm soát và phối hợp tuần tra, kiểm soát tại khu vực thực hiện đồng quản lý.

Điều....: Giải thể tổ chức cộng đồng.

Điều....: Cơ chế khác (nếu có).

Chương V

QUY CHẾ VỀ HOẠT ĐỘNG THỦY SẢN

Điều....: Quy định về hoạt động được hoặc không được thực hiện.

Điều....: Quy định cụ thể về: nuôi trồng thủy sản; bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; du lịch giải trí gắn với hoạt động thủy sản; hoạt động khác của tổ chức cộng đồng (nếu có).

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Mẫu số 04 (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

BIÊN BẢN HỌP CỦA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

**Thông qua Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản
và Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng/ Thông qua nội dung
đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý
cho tổ chức cộng đồng**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tổ chức cộng đồng:.....
2. Số lượng thành viên tổ chức cộng đồng:
3. Thành phần tham dự họp (ghi cụ thể thông tin của đại biểu và số lượng thành viên tổ chức cộng đồng tham dự họp):
4. Thời gian, địa điểm tổ chức họp:

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự, người chủ trì, người ghi biên bản cuộc họp.
2. Đối với cuộc họp thông qua Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản và Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng:
 - 2.1. Bầu người đại diện của tổ chức cộng đồng.
 - 2.2. Thảo luận, thống nhất và biểu quyết thông qua nội dung về:
 - Danh sách thành viên tham gia tổ chức cộng đồng.
 - Dự thảo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý.
 - Dự thảo Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng.
 - Các vấn đề khác (nếu có).
3. Đối với cuộc họp thông qua nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng:

Thảo luận, thống nhất và biểu quyết thông qua nội dung về [lựa chọn một hoặc nhiều nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung]:

 - Tên tổ chức cộng đồng (đối với tổ chức cộng đồng không có tư cách pháp nhân).
 - Tên người đại diện của tổ chức cộng đồng.
 - Phạm vi quyền quản lý được giao.
 - Vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao.

- Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản.
- Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng.

(Người ghi biên bản ghi đầy đủ ý kiến của các đại biểu tham dự, kết quả biểu quyết thông qua của thành viên tổ chức cộng đồng đối với từng nội dung. *Các dự thảo được thông qua khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham gia tổ chức cộng đồng đồng ý*)

Cuộc họp kết thúc vào hồi....., ngày..... tháng năm tại [tên địa điểm tổ chức cuộc họp].

Biên bản này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị ngang nhau.

ĐẠI DIỆN CỦA CỘNG ĐỒNG
*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức
(nếu có))*

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH/XÃ THAM DỰ CUỘC HỌP
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 05 (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH, THÀNH
PHỐ/XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC
KHU.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-....

....., ngày.....tháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng
thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ/XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU

.....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy sản năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025;

Căn cứ Thông tư số .../2025/TT-BNNMT ngày ... tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;

Xét văn bản thẩm định hồ sơ đề nghị công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận [tên tổ chức cộng đồng] thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản như sau:

1. Người đại diện [tên tổ chức cộng đồng]: Ông/Bà [họ và tên người đại diện của tổ chức cộng đồng], số chứng minh thư/thẻ căn cước, thường trú tại

2. Công nhận Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản và Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng kèm theo Quyết định này.

3. Nội dung khác (nếu có)

Điều 2. Giao quyền quản lý cho [tên tổ chức cộng đồng] thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực [vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao] (sơ đồ/bản đồ khu vực địa lý kèm theo Quyết định này).

Phạm vi quyền được giao bao gồm: [ghi cụ thể quyền được giao theo đề nghị của tổ chức cộng đồng và quy định tại Luật Thủy sản].

Nội dung khác (nếu có)

Điều 3. [tên tổ chức cộng đồng] có trách nhiệm thực hiện việc quản lý, bảo vệ, khai thác và phát triển nguồn lợi thủy sản theo đúng nội dung tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này và quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Giao [tên các đơn vị có liên quan...] tổ chức thực hiện, theo dõi, hỗ trợ tổ chức cộng đồng thực hiện nội dung tại Điều 1, Điều 2 Quyết định này [ghi nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị].

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan [kể tên đơn vị], [tên tổ chức cộng đồng] và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
-
- Lưu: VT,.....

CHỦ TỊCH

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

3. Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên) - 1.004921

a) Trình tự thực hiện:

(1) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng theo quy định đến Sở Nông nghiệp và Môi trường bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định;

(2) Sở Nông nghiệp và Môi trường trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

(3) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng đối với trường hợp đề nghị thay đổi tên tổ chức cộng đồng; người đại diện tổ chức cộng đồng; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng. Trường hợp không sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

(4) Đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; phạm vi quyền được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản, trình tự thực hiện như sau:

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung trên phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và khu dân cư nơi thực hiện đồng quản lý;

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng. Trường hợp không sửa đổi, bổ sung thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng;

- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và dự thảo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản mới đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao;

- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và dự thảo Quy chế mới đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng;

- Biên bản họp tổ chức cộng đồng về các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung.

(2) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với trường hợp đề nghị thay đổi tên tổ chức cộng đồng; người đại diện tổ chức cộng đồng; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ (thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết TTHC còn 2,5 ngày làm việc);

- Đối với trường hợp đề nghị sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; phạm vi quyền được giao và Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản:

+ Thông báo nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ;

+ Thẩm định hồ sơ và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định: 33 ngày làm việc (thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết TTHC còn 16,5 ngày làm việc).

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức cộng đồng.

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố

- Cơ quan trực tiếp giải quyết: Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y - Sở Nông nghiệp và Môi trường

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025

i) Phí, lệ phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025;

- Biên bản họp tổ chức cộng đồng về các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy sản năm 2017, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 14 Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

- Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

Mẫu số 06 (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)**TÊN TỔ CHỨC
CỘNG ĐỒNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
VÀ GIAO QUYỀN CHO TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố/xã/phường/đặc khu.....

Tên tôi là:..... Giới tính:.....

Là người đại diện cho [Tên tổ chức cộng đồng]

[Tên tổ chức cộng đồng] được công nhận và giao quyền quản lý thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo Quyết định số..... ngày..... của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố/xã/phường/đặc khu.....

Sau một thời gian hoạt động theo các nội dung được công nhận và giao quyền quản lý, chúng tôi đề nghị sửa đổi, bổ sung một số nội dung như sau [lựa chọn một hoặc nhiều nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung]:

1. Tên tổ chức cộng đồng:

- Tên cũ:..... (theo Quyết định thành lập, nếu có);

- Tên mới:..... (theo Quyết định thành lập, nếu có).

2. Người đại diện của tổ chức cộng đồng:

- Người cũ: ghi rõ: họ và tên; số thẻ căn cước công dân; địa chỉ thường trú ;

- Người mới: ghi rõ: họ và tên; số thẻ căn cước công dân; địa chỉ thường trú.

3. Phạm vi quyền quản lý được giao: ghi rõ bổ sung hay loại bỏ quyền được giao theo quy định tại Luật Thủy sản.

4. Vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao;

- Vị trí, ranh giới khu vực cũ (theo Quyết định):

- Vị trí ranh giới khu vực mới (đề nghị điều chỉnh):

5. Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản;

6. Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng.

(Chi tiết tại hồ sơ gửi kèm¹)

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố/xã/phường/đặc khu xem xét và quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số ngày để [Tên tổ chức cộng đồng] hoạt động được hiệu quả hơn.

....., ngày tháng năm

TM. TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG**NGƯỜI ĐẠI DIỆN**

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ số của cơ quan, tổ chức (nếu có))

¹ Đối với nội dung tại mục 4, 5, 6

Mẫu số 04 (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

BIÊN BẢN HỌP CỦA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

**Thông qua Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản
và Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng/ Thông qua nội dung
đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý
cho tổ chức cộng đồng**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tổ chức cộng đồng:.....
2. Số lượng thành viên tổ chức cộng đồng:
3. Thành phần tham dự họp (ghi cụ thể thông tin của đại biểu và số lượng thành viên tổ chức cộng đồng tham dự họp):.....
4. Thời gian, địa điểm tổ chức họp:

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự, người chủ trì, người ghi biên bản cuộc họp.
2. Đối với cuộc họp thông qua Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản và Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng:
 - 2.1. Bầu người đại diện của tổ chức cộng đồng.
 - 2.2. Thảo luận, thống nhất và biểu quyết thông qua nội dung về:
 - Danh sách thành viên tham gia tổ chức cộng đồng.
 - Dự thảo Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý.
 - Dự thảo Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng.
 - Các vấn đề khác (nếu có).
3. Đối với cuộc họp thông qua nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng:

Thảo luận, thống nhất và biểu quyết thông qua nội dung về [lựa chọn một hoặc nhiều nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung]:

 - Tên tổ chức cộng đồng (đối với tổ chức cộng đồng không có tư cách pháp nhân).
 - Tên người đại diện của tổ chức cộng đồng.
 - Phạm vi quyền quản lý được giao.
 - Vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao.
 - Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản.

- Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng.

(Người ghi biên bản ghi đầy đủ ý kiến của các đại biểu tham dự, kết quả biểu quyết thông qua của thành viên tổ chức cộng đồng đối với từng nội dung. *Các dự thảo được thông qua khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham gia tổ chức cộng đồng đồng ý*)

Cuộc họp kết thúc vào hồi....., ngày..... tháng năm tại [tên địa điểm tổ chức cuộc họp].

Biên bản này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị ngang nhau.

ĐẠI DIỆN CỦA CỘNG ĐỒNG

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức
(nếu có))*

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH/XÃ THAM DỰ CUỘC HỌP

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 07 (Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH, THÀNH PHỐ
/XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm

Số:/QĐ-....

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý
cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản
tại**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ/XÃ/PHƯỜNG/
ĐẶC KHU ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy sản năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025;

Căn cứ Thông tư số .../2025/TT-BNNMT ngày ... tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;

Căn cứ Quyết định số ngày ... tháng ... năm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố/xã/phường/đặc khu công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại....;

Theo văn bản thẩm định hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại.... chi tiết như sau [lựa chọn một hoặc nhiều nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung]:

1. Tên tổ chức cộng đồng:
2. Người đại diện của tổ chức cộng đồng: Ông/Bà [họ và tên người đại diện của tổ chức cộng đồng], số thẻ căn cước, thường trú tại
3. Phạm vi quyền quản lý được giao.
4. Vị trí, ranh giới khu vực thực hiện đồng quản lý (sơ đồ/bản đồ khu vực địa lý kèm theo Quyết định này).
5. Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản kèm theo Quyết định này.
6. Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng kèm theo Phụ lục Quyết định này.
7. Nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Những nội dung không quy định tại Điều 1 Quyết định này tiếp tục thực hiện theo Quyết định số ngày ... tháng ... năm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố/xã/phường/đặc khu.... công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại....

Điều 3. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan [kê tên đơn vị], Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố/xã/phường/đặc khu.....,, [tên tổ chức cộng đồng] và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
-
- Lưu: VT,.....

CHỦ TỊCH

*(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)*

4. Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản - 1.003650

a) Trình tự thực hiện

(1) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định

(2) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

(3) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp đăng ký tàu cá trên địa bàn làm thủ tục đăng ký, vào Sổ đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản theo Mẫu số 05.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 và cấp Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá theo Mẫu số 06.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) **Các thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm

(1) **Đối với tàu cá đóng mới gồm:**

- Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02a.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

- Bản chính Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng tàu cấp theo Mẫu số 03.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

- Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc bản chính Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá còn hiệu lực theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT- BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên. Biên bản kiểm tra tàu theo Mẫu số 04p.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.

(2) Đối với tàu cá cải hoán gồm:

- Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02a.ĐKT, Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

- Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc bản chính Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá còn hiệu lực theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT- BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên. Biên bản kiểm tra tàu theo Mẫu số 04p.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.

- Giấy chứng nhận cải hoán đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên theo Mẫu số 04.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

- Giấy chứng nhận đăng ký cũ.

(3) Đối với tàu cá mua bán, tặng cho trong nước, gồm:

- Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02a.ĐKT, Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

- Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc bản chính Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

- Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu tàu theo quy định;

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu;

- Giấy chứng nhận xóa đăng ký đối với trường hợp mua bán ngoài tỉnh, thành phố.

(4) Đối với tàu cá nhập khẩu, tặng cho, viện trợ, gồm:

- Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02a.ĐKT, Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

- Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc bản chính Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá còn hiệu lực theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT- BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên. Biên bản kiểm tra tàu theo Mẫu số 04p.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.

- Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá, đã qua sử dụng;

- Bản sao có chứng thực Tờ khai hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan;

(5) Đối với tàu cá thuộc diện thuê tàu trần, gồm:

- Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02a.ĐKT, Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá còn hiệu lực theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT- BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên. Biên bản kiểm tra tàu theo Mẫu số 04p.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.

- Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá, tàu công vụ thủy sản đã qua sử dụng;

- Bản sao có chứng thực Tờ khai hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan;

- Bản chính hợp đồng thuê tàu trần.

(6) Đối với tàu cá trường hợp chủ tàu thay đổi nơi cư trú ngoài tỉnh, thành phố, gồm:

- Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02a.ĐKT, Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

- Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu;

- Giấy chứng nhận xóa đăng ký.

(7) Đối với tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản đang hoạt động trước ngày Thông tư này có hiệu lực

- Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02c.ĐK Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

- Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc bản chính Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc bản chính Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

- Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu còn hiệu lực theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên. Biên bản kiểm tra tàu theo Mẫu số 04p.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.

d) **Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

e) **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

g) **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y

h) **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

i) **Phí, lệ phí (nếu có):** Chưa có văn bản quy định

k) **Mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu số 04p.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 02a.ĐK Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 02c.ĐK Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 03.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 04.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 06.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá;

MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

Kính gửi:

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại: Số

CCCD/CC:.....

Số điện thoại:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):.....

Năm, nơi đóng:

Cảng đăng ký:

Thông số cơ bản của tàu (m): $L_{max} = \dots\dots\dots$; $B_{max} = \dots\dots\dots$; $D = \dots\dots\dots$

$L_{tk} = \dots\dots\dots$; $B_{tk} = \dots\dots\dots$; $d = \dots\dots\dots$

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Trọng tải toàn phần, (DW):Số thuyền viên, người.....

Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm	Ghi chú

--	--	--	--	--	--

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ)

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ ĐỐI VỚI TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Kính gửi:

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại:

Số CCCD/CC:.....

Số điện thoại:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản với nội dung sau

1. Đặc điểm cơ bản của tàu

- Tên tàu:

- Công dụng:

- Chủ tàu:

- Khu vực nuôi trồng thủy sản: theo giấy phép số:,
ngày

- Do cấp.

Thông số cơ bản của tàu (m): $L_{max} = \dots\dots\dots$; $B_{max} = \dots\dots\dots$; $D = \dots\dots\dots$

2. $L_{tk} = \dots\dots\dots$; $B_{tk} = \dots\dots\dots$; $d = \dots\dots\dots$

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Trọng tải toàn phần, (DW):Số thuyền viên, người.....

- Máy chính:

TT	Hãng/nước sản xuất	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm

2. Nguồn gốc tàu⁽¹⁾ (ghi rõ tên, địa chỉ cơ sở nơi tàu được đóng mới hoặc tên địa chỉ chủ tàu bán, tặng, cho nếu tàu được mua, nhận tặng cho. Ghi rõ năm đóng mới, cải hoán hoặc mua, nhận tặng cho):

.....

.....

.....

- Hồ sơ kèm theo (nếu có), gồm:

- Giấy tờ mua bán theo quy định của pháp luật.
- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký cũ (đối với trường hợp mua, nhận tặng cho).

- Các giấy tờ hợp pháp khác

.....

.....

- Hiện tại tàu thuộc sở hữu của và không có tranh chấp với bất cứ tổ chức cá nhân nào về quyền sở hữu.

3. Tôi xin cam đoan

- a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai.
- b) Chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, không sử dụng tàu để tham gia hoạt động khai thác thủy sản./.

CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Áp dụng đối với tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản đang hoạt động chưa đăng ký

Mẫu số 03.ĐKT

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỬ

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /GCNXX

....., ngày... tháng ... năm 20..

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG

Tên sản phẩm:..... Nơi
đóng:.....
Địa chỉ:..... Năm
đóng:..... Ký hiệu thiết
kế:..... Đơn vị thiết kế thiết
kế:..... Cơ sở đăng kiểm:
.....
Thông số cơ bản của tàu: L_{max} =.....; B_{max} =.....; D =.....
 L_{tk} =.....; B_{tk} =.....; d =.....
Vật liệu vỏ:.....; cấp tàu:..... Công dụng
(nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Đã hoàn thành việc đóng mới, đủ điều kiện xuất xưởng./.

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04.ĐKT

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI HOÁN, SỬA CHỮA TÀU

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /GCNXX

....., ngày...tháng...năm...

GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI HOÁN, SỬA CHỮA TÀU

Tên sản phẩm:..... Nơi cải hoán, sửa
chữa:..... Địa
chỉ:.....

Thời gian thực hiện: từ ngày ... tháng ... năm.. đến ngày ... tháng ...năm... Ký hiệu thiết
kế:..... Đơn vị thiết
kế:..... Cơ sở đăng kiểm phê duyệt thiết
kế: **Thông số cơ bản trước cải hoán/sửa chữa (m):**

$$L_{\max}=.....; B_{\max}=.....; D=.....$$

$$L_{\text{tk}} =.....; B_{\text{tk}...}=.....; d=.....$$

Vật liệu vỏ:....., Cấp tàu:..... Công dụng (nghề):
.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Thông số cơ bản sau cải hoán/ sửa chữa (m):

$$L_{\max}=.....; B_{\max}=.....; D=..... L_{\text{tk}} =.....;$$

$$B_{\text{tk}...}=.....; d=.....$$

Vật liệu vỏ:....., Cấp tàu:..... Công dụng (nghề):
.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Đã hoàn thành việc cải hoán/ sửa chữa, đủ điều kiện xuất xưởng./.

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA TÀU CÁ CÓ CHIỀU DÀI LỚN NHẤT DƯỚI 12 MÉT**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC...

....., ngày tháng ... năm 20...


BIÊN BẢN KIỂM TRA TÀU CÁ
(Tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét)
Tên tàu:....., Số đăng ký^(*):

Nơi kiểm tra:..... Theo yêu

cầu:..... ; Ngày tháng năm.....

Của:..... Chúng tôi

gồm:.....

Đăng kiểm viên của:..... Tiến hành kiểm tra và

xác nhận tàu cá có đặc điểm cơ bản như sau:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):.....

Năm, nơi đóng:

Nơi đăng ký^(*):

Thông số cơ bản của tàu (m): Lmax=.....; Bmax=.....; D=..... Vật liệu vỏ:

.....; Nghề kiểm:

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm

Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:

.....

..... \Biên bản này được lập

02 bản: Chủ tàu 01 bản, đăng kiểm tàu cá 01 bản.

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**ĐĂNG KIỂM VIÊN**

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Ghi trong trường hợp cải hoán.

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ
Số...../ĐKTC
N⁰

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ***Technical and safety certificate of fishing vessel***

Tên tàu:..... Số đăng ký: Hồ hiệu:

Name of vessel..... *Registration number* *Call sign*.....

Chủ tàu: (*Vessel's owner*)..... Quốc tịch: (*Flag*).....

Địa chỉ: (*Address*).....

Năm và nơi đóng: (*Year and Place of Build*).....

Công dụng (nghề): Vật liệu thân, vỏ:

Used for (fishing gear) *Materials*.....

Tổng dung tích: Trọng tải toàn phần: Số thuyền viên:

Gross tonnage..... *Deadweight*..... *Number of crew*.....

Chiều dài, L_{max}..... (m) Chiều rộng, B_{max}..... (m) Chiều cao mạn, D:..... (m)

Length overal..... *Breadth overal*..... *Draught*.....

Chiều dài thiết kế, L_{tk}: ...(m) Chiều rộng thiết kế, B_{tk}..... (m) Chiều chìm, d:.....(m)

Length..... *Breadth*..... *Depth*.....

Tổng công suất máy chính, Ne (KW): Số lượng máy chính:.....

Total Power..... *Number of Engines*.....

TT	Ký hiệu máy <i>Type of machine</i>	Số máy <i>Number engines</i>	Công suất, Ne (kW) <i>Power</i>	Năm và nơi chế tạo <i>Year and Place of Build</i>

- Căn cứ vào quy phạm và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành của Nhà nước và biên bản kiểm tra kỹ thuật số/ĐKTC, ngày tháng năm

Pursuant to the vessel's technical check minute no:..... dated on

Đăng kiểm tàu cá chứng nhận:

Fishing vessel register certify that

- Trạng thái kỹ thuật của tàu: (*Technical state of the fishing vessel*).....

- Cấp tàu <i>The class</i>	Không hạn chế <i>Unlimited</i>	Hạn chế I <i>Limitations I</i>	Hạn chế II <i>Limitations II</i>	Hạn chế III <i>Limitations III</i>

Được phép hoạt động tại:.....

Allowed to operate at.....

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến: <i>This certificate is valid until</i>	ngày <i>Date</i> Cấp tại, ngàytháng....năm..... <i>Issued at Date</i> CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
--	---

Ghi chú: (*) Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp.

MẪU SỔ DANH BẠ THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

1. Mặt ngoài của trang bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SỔ DANH BẠ
THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

Số đăng ký:

Chủ tàu:.....

Số sổ:.....

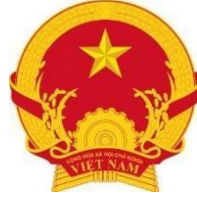
Năm.....

Quy cách sổ:

- Kích thước: A5 (14,8 x 21) cm;
- Bìa nền màu đỏ, các trang nền màu trắng
- Trang 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SỔ DANH BẠ THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

Số đăng ký:

Chiều dài tàu:

Nơi đăng ký:

Chủ tàu:; Điện thoại:

Ngày tháng năm sinh:; Số định danh cá nhân:

Nơi thường trú:

Sổ danh bạ này gồm 120 trang, được đánh số thứ tự từ 01
đến 120

.....Ngày tháng.....năm.....

CHI CỤC

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Năm.....

1. Trang 2

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ THUYỀN VIÊN

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân	Chức danh	Số văn bằng/ chứng chỉ	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
5						
6						
...						
...						

**CHỦ TÀU/THUYỀN
TRƯỞNG**

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên,
đóng dấu)

..... Ngày tháng năm

XÁC NHẬN CỦA CHI CỤC

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THAY ĐỔI, BỔ SUNG DANH SÁCH THUYỀN VIÊN

TT	Thuyền viên được thay		Thuyền viên mới			Số văn bằng, chứng chỉ	Ghi chú
	Họ và tên	Chức danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân		
1							
2							
3							
4							
5							
6							
....							
....							

CHỦ TÀU/THUYỀN TRƯỞNG
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

.....Ngày tháng.....năm.....
XÁC NHẬN CỦA BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

5. Trang 19 đến trang 120:

CHỨNG THỰC CỦA CƠ QUAN KIỂM TRA, KIỂM SOÁT

Rời cảng	Xuất bến
<p>Kiểm tra, kiểm soát của Tổ chức quản lý cảng cá:</p> <p>Ngày..... tháng năm</p> <p>Nội dung:.....</p> <p>.....</p> <p>Nhận xét:</p> <p>.....</p> <p style="text-align: center;">Tổ chức quản lý cảng cá (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</p>	<p>Kiểm tra, kiểm soát của Trạm kiểm soát Biên phòng:</p> <p>Ngày..... tháng năm</p> <p>Gồm..... người (...Nam,...Nữ)</p> <p>Nhận xét:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p style="text-align: center;">Trạm Kiểm soát Biên phòng (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</p>
Cấp cảng	Nhập bến
<p>Kiểm tra, kiểm soát của Tổ chức quản lý cảng cá:</p> <p>Ngày..... tháng năm</p> <p>Nội dung:.....</p> <p>.....</p> <p>Nhận xét:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p style="text-align: center;">Tổ chức quản lý cảng cá (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</p>	<p>Kiểm tra, kiểm soát của Trạm kiểm soát Biên phòng:</p> <p>Ngày..... tháng năm</p> <p>Gồm..... người (...Nam,...Nữ)</p> <p>Nhận xét:</p> <p>.....</p> <p style="text-align: center;">Trạm Kiểm soát Biên phòng (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</p>

5. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phụ vụ nuôi trồng thủy sản - 1.003634

a) Trình tự thực hiện

(1) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

(2) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

(3) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp đăng ký tàu cá trên địa bàn cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) **Các thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm

- Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, theo Mẫu số 07.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc Giấy xác nhận đã đăng ký; trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do;

- Ảnh màu hai bên mạn tàu (9 x 12 cm).

d) **Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

e) **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

g) **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y

h) **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

i) **Phí, lệ phí (nếu có):** Chưa có văn bản quy định

k) **Mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu số 07.ĐKT VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

Mẫu số 07.ĐKT

**MẪU TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc _____

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

Kính gửi:

Họ tên người khai:.....

Thường trú tại:

Số CCCD/CC:.....

Số điện thoại:..... Đề nghị cấp
lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu:

Tên tàu:; Số đăng ký:.....

Năm, nơi đóng:.....

Nơi đăng ký:.....

Thông số cơ bản của tàu: $L_{max} = \dots\dots\dots$; $B_{max} = \dots\dots\dots$; $D = \dots\dots\dots$

$L_{tk} = \dots\dots\dots$; $B_{tk} = \dots\dots\dots$; $d = \dots\dots\dots$

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Trọng tải toàn phần, tấn:Số thuyền viên, người..... Nghề chính:
.....Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm	Ghi chú

--	--	--	--	--	--

2. **Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ)**):**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Căn cước công dân	Giá trị cổ phần

3. **Lý do đề nghị cấp lại:**

Tôi xin cam đoan những nội dung nêu trên là đúng sự thật.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

3. Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản - 1.003586

a) Trình tự thực hiện

(1) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

(2) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

(3) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá theo Mẫu số 09.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu công vụ thủy sản cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm

- Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá theo Mẫu số 08.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, hợp đồng đóng tàu, biên bản nghiệm thu xuất xưởng;

- Bản sao có chứng thực các giấy tờ đối với tàu nhập khẩu, thuê tàu trần từ nước ngoài về cảng đầu tiên của Việt Nam, gồm: Văn bản cho phép nhập khẩu hoặc thuê tàu trần, hợp đồng đóng tàu và thanh lý hợp đồng đóng tàu đối với tàu đóng mới, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật hoặc giấy chứng nhận phân cấp còn hiệu lực từ 06 tháng trở lên do tổ chức đăng kiểm nước có tàu cấp;

- Ảnh màu hai bên mạn tàu (kích thước: 9 x 12 cm).

d) **Thời hạn giải quyết:** 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

e) **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

g) **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y

h) **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản.

i) **Phí, lệ phí (nếu có):** Chưa có văn bản quy định.

k) **Mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu số 08.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 09.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

Mẫu số 08.ĐKT

**MẪU TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU CÁ

Declaration for temporary registration of fishing vessel

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp đăng ký tàu cá)*

To: (Name of competent authority registration of fishing vessel, ships duty fisheries)

Người đề nghị:.....

Applicant

Nơi thường trú:

Residential Address:

Số CCCD/CC:.....

Identity card:

..... Số Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá..... Cơ quan cấp..... *Number of certificate of deregistration of fishing vessel..... Granting agencies.....* Mã số doanh nghiệp (nếu có):..... *Business code (if any) ...*

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá/tàu công vụ thủy sản(*) với nội dung dưới đây:

Kindly for temporary registration of fishing vessel/ships duty fisheries() with the following particulars:*

1. Các thông số kỹ thuật cơ bản của tàu:

Basic specifications of ship

Tên tàu:

Hồ hiệu:

Name of Vessel

Call sign

Kiểu tàu:

Vật liệu:

Type of Vessel

Materials

Công dụng/nghề:

Used for/fishing gears

Năm và nơi đóng

Year and Place of Build

Chiều dài lớn nhất Lmax Chiều dài thiết kế Ltk
.....

Length overall *Length*

Chiều rộng lớn nhất Bmax Chiều rộng thiết kế Btk
Breadth overall

Breadth

Chiều cao mạn D Chiều chìm d
Draught *Depth*

Tổng dung tích: Trọng tải toàn phần:
Gross tonnage (GT)

Deadweight (DW)

Số lượng máy

Tổng công suất.....

Number of engines

Total Power

Kiểu máy <i>Type</i>	Số máy <i>Number</i>	Công suất <i>Power</i>	Năm và nơi chế tạo <i>Year and place of manufacture</i>

2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

The name, address and value of shares of each ownership

TT	Họ và tên <i>Full name</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Số CCCD <i>Identification number</i>	Giá trị cổ phần <i>Equity value</i>

3. Lý do xin đăng ký tạm thời tàu:

Reasons to temporary registration of ship

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

I pledge to use the vessel in accordance with the registered content and strictly comply with the provisions of the law of the Vietnamese.

....., ngày tháng năm

Date.....

CHỦ TÀU

Shipowner

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu) (sign, full name and stamp)

Ghi chú (note):

** Cơ quan quản lý thủy sản của tỉnh là Chi cục có quản lý về thủy sản (the provincial fisheries management agency is the Sub-department of Fisheries)*

Mẫu số 09.ĐKT

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU CÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

N^o



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU CÁ

Certificate of temporary registration of import Fishing Vessel

Chúng nhận tàu cá có các thông số dưới đây đã được đăng ký:

Hereby certifies that the fishing vessel with the following specifications has been temporarily registered

Tên tàu:

Name of Vessel

Hồ hiệu:

Signal Letters

Chủ tàu:

Vessel owner

Nơi thường trú:

Residential Address

Số

CCCD/CC/ĐKKD

Identity card

Công dụng

(nghề):

Used for (fishing)

Tổng dung tích,

GT:

Gross Tonnage

Trọng tải toàn

phần:

Dead weight

Chiều dài Lmax,

m:

Length overal

Chiều rộng Bmax,

m:

Breadth overal

Chiều dài thiết kế Ltk, m:

Length

Chiều rộng thiết kế Btk, m:

Breadth

Chiều cao mạn D,
m:

Draught

Kiểu tàu:

Type of Vessel

Vật liệu vỏ:

Materials

Số lượng máy:

Number of Engines

Ký hiệu máy Số máy

Type of machine Number engines

Chiều chìm d, m:

Depth

Tốc độ tự do hl/h:

Speed

Năm và nơi đóng:

Year and Place of Build

Tổng công suất (kW):

Total power

Công suất (kW) Năm và nơi chế tạo

*Power Year and place of
manufacture*

Nơi đăng ký:

Place Registry

Số đăng ký: *Number or registry*

Cơ sở đăng kiểm tàu cá:

Register of Vessels

Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày

.....

This certificate is valid until

*Cấp tại ..., ngàytháng...năm..... Issued at
Date*

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
TÀU**

(Ký tên/ký số và đóng dấu)

7. Xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản - 1.003681

a) Trình tự thực hiện

(1) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

(2) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

(3) Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản bán, tặng, cho, thừa kế hoặc tàu công vụ thủy sản, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký theo Mẫu số 13.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; trả hồ sơ đăng ký gốc của tàu và giấy chứng nhận đăng ký cũ đã cắt góc phía trên bên phải cho chủ tàu; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

(4) Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản phá hủy, phá dỡ

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh tổ chức kiểm tra thực tế, lập biên bản xác minh tình trạng của tàu theo Mẫu số 11.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra thực tế, nếu xác định tàu đã được phá hủy, phá dỡ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu theo Mẫu số 13.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; trả hồ sơ đăng ký gốc của tàu và giấy chứng nhận đăng ký cũ đã cắt góc phía trên bên phải cho chủ tàu; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

(5) Đối với tàu cá Việt Nam xuất khẩu, viện trợ

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh đối chiếu Danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định. Trường hợp không thuộc danh sách tàu cá vi phạm khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định của Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước về

thủy sản cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá theo Mẫu số 13.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; trả hồ sơ đăng ký gốc của tàu và giấy chứng nhận đăng ký cũ đã cắt góc phía trên bên phải cho chủ tàu; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

(6) Đối với tàu bị chìm đắm do tai nạn không thể trục vớt, sau 30 ngày kể từ ngày tàu bị chìm đắm, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh lập biên bản xác nhận tình trạng của tàu theo Mẫu số 12.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 và xóa tên tàu trong Sổ đăng ký tàu.

(7) Đối với tàu cá vi phạm khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định ở vùng biển của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác hoặc vùng biển thuộc thẩm quyền quản lý của Tổ chức quản lý nghề cá khu vực bị bắt giữ, tịch thu và phá hủy: chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản về việc tàu cá đã bị bắt giữ, tịch thu và phá hủy (bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quốc gia bắt giữ, xử lý hoặc văn bản xác nhận của Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài), cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh xóa tên tàu cá trong Sổ đăng ký tàu và thông báo đến chính quyền địa phương nơi chủ tàu cư trú, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường để đăng tải trên trang thông tin điện tử.

(8) Đối với tàu cá được cơ quan đăng ký tàu cá thông báo tới chủ tàu cá, thông tin tìm kiếm trên phương tiện truyền thông 06 tháng nhưng không có thông tin: cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh xóa tên tàu trong Sổ đăng ký tàu và thông báo đến chính quyền địa phương nơi chủ tàu cư trú, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng để phối hợp quản lý; đồng thời gửi cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường để đăng tải trên trang thông tin điện tử.

b) **Các thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm

Tờ khai xóa đăng ký tàu cá theo Mẫu số 10.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

d) Thời hạn giải quyết

- Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản bán, tặng, cho, thừa kế: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định;

- Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản phá hủy, phá dỡ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định;

- Đối với tàu cá Việt Nam xuất khẩu, viện trợ: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định;

- Đối với tàu bị chìm đắm do tai nạn không thể trục vớt: 30 ngày kể từ ngày tàu bị chìm đắm (thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết TTHC còn 15 ngày);

- Đối với tàu cá vi phạm khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định ở vùng biển của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác hoặc vùng biển thuộc thẩm quyền quản lý của Tổ

chức quản lý nghề cá khu vực bị bắt giữ, tịch thu và phá hủy: 30 ngày (thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết TTHC còn 15 ngày) kể từ ngày nhận được văn bản về việc tàu cá đã bị bắt giữ, tịch thu và phá hủy (bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quốc gia bắt giữ, xử lý hoặc văn bản xác nhận của Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài);

- Đối với tàu cá được cơ quan đăng ký tàu cá thông báo tới chủ tàu cá, thông tin tìm kiếm trên phương tiện truyền thông 06 tháng nhưng không có thông tin (thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết TTHC còn 03 tháng).

e) **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

g) **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y

h) **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

i) **Phí, lệ phí (nếu có):** Chưa có văn bản quy định.

k) **Mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu số 10.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 11.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 12.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 13.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá;

Mẫu số 10.ĐKT
MẪU TỜ KHAI XÓA ĐĂNG KÝ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

**TỜ KHAI XÓA ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/ TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI
 TRỒNG THỦY SẢN(*)**

Kính gửi:(1).....

Đề nghị xóa đăng ký...(2)... với các thông số dưới đây kể từ ngày .../.../20..

*Kindly deregister the with the following particulars from date Tên
(3)..... Hồ hiệu/số IMO:*

Name Call sign/IMO number

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ và tỉ lệ sở hữu):

Shipowner (name, address and ratio of ownership)

Người đề nghị xóa đăng ký (tên, địa chỉ):

Applicant (name, address)

Nơi đăng ký:

Place of registry

Số đăng ký:; Ngày đăng ký:

Number of registration Date of registration

Cơ quan đăng ký:

The Registrar of ship

Lý do xin xóa đăng ký⁽⁴⁾

Reasons to deregister

Date, ngày ... tháng ... năm...

CHỦ SỞ HỮU

Owner

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký *The ship Registration office*

2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu cá, tàu công vụ thủy sản

Type of transport facility registration/registry (vessel, public service ship)

(3) Tên phương tiện (Name of transport facility)

(4) Ghi rõ lý do xóa đăng ký (phá dỡ, phá hủy, bán, tặng cho, xuất khẩu, ...) Note the reason to deregister (demolish, destroy, sell, give away, export, ...).

(**) Xuất trình kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký cũ hoặc nộp bản cam kết nêu rõ lý do trong trường hợp bị mất.*

(Please present the old registration certificate or submit a written statement explaining the reason in case of loss).

Mẫu số 11.ĐKT

**MẪU BIÊN BẢN XÁC MINH TÌNH TRẠNG TÀU CÁ XÓA ĐĂNG KÝ CỘNG HÒA XÃ
HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN XÁC MINH TÌNH TRẠNG TÀU CÁ XÓA ĐĂNG KÝ

Căn cứ quy định tại Thông tư số .../2025/TT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Theo đề nghị xóa đăng ký tàu cá tại Tờ khai xóa đăng ký tàu cá ngàytháng ... năm 20 ... của chủ tàu.

Hôm nay, ngày tháng năm, chúng tôi gồm có:

Người thực hiện xác minh

1. Đại diện cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản:
2. Đại diện Ủy ban nhân dân xã:
3. Chủ tàu cá:, số CCCD:

Cùng nhau kiểm tra và xác nhận như sau:

1. Tàu cá có đặc điểm cơ bản sau:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):.....

Năm, nơi đóng:

Nơi đăng ký:

Thông số cơ bản của tàu (m): Lmax=.....; Bmax=.....; D=.....

Ltk =.....; Btk...=.....; d=..... Vật liệu vỏ:

Tổng dung tích (GT):

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân

3. Tình trạng tàu tại thời điểm kiểm tra

a) Phân thân tàu:

.....Phần máy tàu:
.....

.....Phần trang thiết
bị:

.....Kết luận:

Tại thời điểm kiểm tra, tàu đã được (phá dỡ, phá hủy, không còn khả năng hoạt động):

.....

Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:

.....
.....
.....

Biên bản kết thúc vào lúc ... ngày tháng năm 20...

CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN ỦY BAN
NHÂN DÂN XÃ**

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN
QUẢN LÝ THỦY SẢN**

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 12.ĐKT

**MẪU BIÊN BẢN XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG TÀU CÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ
NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG TÀU CÁ CHÌM, ĐẮM DO TAI NẠN KHÔNG
THỂ TRỤC VỐT**

Hôm nay, ngày tháng năm, chúng tôi gồm có:

1. Đại diện cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản:
2. Đại diện Ủy ban nhân dân xã:
3. Đại diện Trạm biên phòng:
4. Chủ tàu/đại diện chủ tàu:, số CCCD:

Cùng nhau xác nhận như sau:

1. Tàu cá có đặc điểm cơ bản sau:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):.....

Số đăng ký: Nơi đăng ký:
.....

Thông số cơ bản của tàu (m): L_{max} =.....; B_{max} =.....; D =.....

L_{tk} =.....; B_{tk} ...=.....; d =..... Vật liệu vỏ:

Tổng dung tích (GT):

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân

3. Các thông tin khác về tàu (nếu có)

.....

4. Kết luận

Tại thời điểm kiểm tra, tàu đã chìm đắm do tai nạn không thể trục vớt. Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:

.....

.....

.....

Biên bản kết thúc vào lúc ... ngày tháng năm 20...

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có,
ghi rõ họ tên, đóng
dấu)

ĐẠI DIỆN BIÊN PHÒNG

(Chữ ký/ký số -nếu
có, ghi rõ họ tên,
đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

(Chữ ký/ký số -nếu có,
ghi rõ họ tên, đóng
dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN QUẢN LÝ THỦY SẢN

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi
rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 13.ĐKT

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN XÓA ĐĂNG KÝ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness



**GIẤY CHỨNG NHẬN XÓA ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY
SẢN**

Certificate of deregistration of Fishing Vessel/Ships serving aquaculture^()*

.....(1) Chứng nhận(2) có các thông số dưới đây đã được xóa
đăng ký trong Sổ đăng ký tàu cá Việt Nam:

... *Hereby certify that the ship with the following particulars has been deregistered
from the Viet Nam National ships registration book:*

Tên(3).....Hô hiệu/Số IMO:

Name Call sign/IMO number

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu tàu):

Owner (name, address, ratio of ownership)

Số GCN đăng ký:

Number of registration

Ngày đăng ký:

Date of registration

Cơ quan đăng ký:

The Registrar of ship

Người đề nghị (tên, địa chỉ):

Applicant (name, address)

Lý do xóa đăng ký(4).....

Reasons to deregister

Ngày có hiệu lực xóa đăng ký:

Date of deregist

Số đăng ký: Cấp tại, ngày tháng năm

Number of registration Issued at, on

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Full name, signature of duly authorized official

Ghi chú (Note):

***(1) Tên cơ quan
đăng ký***

*The ship
office*

(3) Tên tàu

*Name of transport
facility*

***(2) Loại tàu đăng ký: Tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy
sản***

*Type of transport facility registration/registry (Fishing vessel,
Ships serving aquaculture)*

(4) Ghi rõ lý do xóa đăng ký

Note the reason to deregister

9. Cấp phép nhập khẩu tàu cá, thuê tàu trần - 1.004929

a) Trình tự thực hiện

(1) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá đến cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

(2) Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

(3) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh tổ chức thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp phép nhập khẩu tàu cá, cấp phép thuê tàu trần theo Mẫu số 02.NK Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; trường hợp không cấp phép thì phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.

b) **Các thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm

- Đơn đề nghị nhập khẩu tàu cá theo Mẫu số 01.NK Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

- Hợp đồng nhập khẩu tàu cá hoặc hợp đồng thuê tàu trần và phải được dịch ra tiếng Việt;

- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá hoặc hồ sơ phân cấp tàu cá còn hiệu lực từ 06 tháng trở lên do tổ chức đăng kiểm của nước có tàu cấp và phải được dịch ra tiếng Việt;

- Giấy xóa đăng ký tàu cá; giấy xác nhận tàu cá không vi phạm khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định của cơ quan có thẩm quyền đối với tàu cá đã qua sử dụng; hồ sơ gốc của tàu (bản vẽ thiết kế tàu, giấy tờ liên quan đến nguồn gốc vỏ, máy và các trang thiết bị trên tàu) và phải được dịch ra tiếng Việt.

d) **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

e) **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

g) **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y.

h) **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép nhập khẩu tàu cá, cấp phép thuê tàu trần

i) **Phí, lệ phí (nếu có):** Chưa có văn bản quy định

k) **Mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu số 01.NK Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 02.NK Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

Mẫu số 01.NK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ NHẬP KHẨU TÀU CÁ

Kính gửi: (Tên cơ quan cấp phép)

Người đề nghị (tên cá nhân hoặc tổ chức xin nhập khẩu tàu cá):

Số Giấy đăng ký kinh doanh (Thẻ căn cước/Căn cước công dân/mã số định danh cá nhân):.....

Nơi thường trú Nội dung đề nghị và hình thức nhập khẩu tàu cá:

Mua tàu Thuê tàu trần

Kê khai lý lịch của các tàu cá đề nghị nhập khẩu:

Tàu cá số 1:

Tên tàu: Vật liệu:..... Kiểu tàu:
 Công dụng: Năm và nơi đóng
 Chủ tàu
 Quốc tịch: Nơi thường trú

Các thông số kỹ thuật cơ bản của tàu cá:Chiều dài lớn nhất L_{max} (m)..... Chiều dài thiết kế L_{tk} (m)..... Chiều rộng lớn nhất B_{max} (m) Chiều rộng thiết kếChiều cao mạn D (m)..... B_{tk} (m).....Tổng dung tích.....(GT) Chiều chìm d (m)..... Số lượng máy
..... Trọng tải (DW)

Tổng công suất (kW).....

Kiểu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo

Tàu số 2:

.....

.....

Tàu số 3:

.....

.....

Kính đề nghị: (Tên cơ quan cấp phép).....

Xét duyệt và chấp thuận (tên cá nhân hoặc tổ chức xin nhập khẩu tàu cá):

Được phép nhập khẩu các tàu cá (như đã nêu ở trên) để tiến hành hoạt động thủy sản trong vùng biển Việt Nam.

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

CƠ QUAN CẤP TRÊN
CƠ QUAN CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

....., ngàytháng năm...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép nhập khẩu tàu cá THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

Căn cứ Thông tư số/TT-BNNMT ngày tháng năm 20... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định... ;

Căn cứ Quyết định số/..... ngày tháng năm 20.. của quy định chức

năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (Tên cơ quan cấp phép); Căn cứ hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản;

Xét đơn đề nghị nhập khẩu tàu cá của (tổ chức, cá nhân): ;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Cho phép (tổ chức, cá nhân) được nhập khẩu tàu cá với hình thức sau:

Mua tàu Thuê tàu trần

Tên tàu:

Vật liệu:

Kiểu tàu:

Công dụng:

Năm và nơi đóng

Các thông số kỹ thuật cơ bản của tàu cá:

Chiều dài lớn nhất L_{max} (m)..... Chiều dài thiết kế L_{tk} (m)..... Chiều rộng lớn nhất B_{max} (m) Chiều rộng thiết kế B_{tk}

Chiều cao mạn D (m)..... (m).....

Tổng dung tích (GT)..... Chiều chìm d (m)..... Số lượng máy

Trọng tải toàn phần (DW) Tổng công suất (kW)

Kiểu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo
----------	--------	----------------	-------------

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Cục Thủy sản và Kiểm ngư (để b/c);
 - Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng;
 - Cục Hải quan;
 - UBND cấp xã nơi chủ tàu cá đăng ký hộ khẩu thường trú;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

9. Công bố mở cảng cá loại I, loại II - 1.004694

a) Trình tự thực hiện

(1) Tổ chức quản lý cảng cá nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

(2) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

(3) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét hồ sơ; tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá (trong trường hợp cần thiết), khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định công bố mở cảng cá (đối với cảng loại I và cảng loại II) theo Mẫu số 02.CC Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026. Trường hợp không công bố mở cảng cá, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

(4) Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày Quyết định công bố mở cảng cá được ban hành, cơ quan có thẩm quyền thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) **Các thức thực hiện:** Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm

- Đơn đề nghị công bố mở cảng cá theo Mẫu số 01.CC Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

- Văn bản thành lập Tổ chức quản lý cảng cá;

- Văn bản thể hiện quyền sử dụng vùng đất của cảng;

- Biên bản nghiệm thu đã hoàn thành công trình đưa vào sử dụng cảng cá.

- Thông báo về luồng của cảng và vùng nước trước cầu cảng.

d) **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

e) **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

g) **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân thành phố

- Cơ quan trực tiếp giải quyết: Chi cục Thủy sản, Chăn nuôi và Thú y – Sở Nông nghiệp và Môi trường.

h) **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định công bố mở cảng cá được ban hành

i) **Phí, lệ phí (nếu có):** Chưa có văn bản quy định

k) **Mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu số 01.CC Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 02.CC Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

Mẫu số 01.CC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ MỞ CẢNG CÁ**

Kính gửi:

Tổ chức quản lý cảng cá: Địa chỉ
 trụ sở:..... Số điện
 thoại:.....Email..... Tần số liên lạc..... Đề nghị được công
 bố mở cảng cá với các thông tin như sau:

1. Tên cảng cá:Loại cảng cá:

2. Địa chỉ cảng cá:

3. Chiều dài cầu cảng (mét):

4. Tọa độ: Vĩ độ:N; Kinh độ E

5. Độ sâu trước cầu cảng (mét)

6. Độ sâu vùng nước đậu tàu (mét):.....

7. Thông tin về luồng vào cảng cá:

- Tọa độ điểm đầu của luồng: Vĩ độ:.....N; Kinh độ E;

- Độ sâu luồng (mét):; Chiều rộng luồng (mét):.....

8. Tổng diện tích vùng đất cảng (hecta):

9. Tổng diện tích vùng nước cảng (hecta):.....

10. Lượng hàng thủy sản (được thiết kế) qua cảng (tấn/năm):

11. Thời gian cảng cá bắt đầu hoạt động (ngày/tháng/năm):

12. Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

a)

b)(Phương án khai

thác cảng cá; danh mục các trang thiết bị chủ yếu phục vụ cho bốc dỡ hàng hóa đối với cảng cá loại I, II tại Phụ lục kèm theo đơn này).

Chúng tôi cam đoan và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những nội dung trên đây và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định về cảng cá và pháp luật khác có liên quan. Đề nghị quý cơ quan xem xét, công bố mở cảng cá.

....., ngày..... tháng.... năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục

(Kèm theo Đơn đề nghị công bố mở cảng cá ngày ... tháng.....năm...)

A. PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC CẢNG CÁ

I. NHIỆM VỤ CẦN THỰC HIỆN

Tổ chức quản lý cảng cá cần bố trí đủ nhân sự thực hiện các nhiệm vụ cơ bản sau:

1. Điều độ, hướng dẫn, sắp xếp phương tiện ra, vào cảng, neo đậu trong vùng nước cảng cá

- Bảo đảm có bộ phận tiếp nhận thông tin tàu cập cảng, lưu trữ thông tin, thông báo cho các bộ phận có liên quan;

- Bảo đảm có bộ phận hướng dẫn tàu cập cảng, bố trí neo đậu, bốc dỡ sản phẩm...

2. Tổ chức thực hiện giám sát sản lượng bốc dỡ qua cảng

- Thu nhận nhật ký, báo cáo khai thác thủy sản của tàu cá vào cảng;

- Trực tiếp giám sát sản lượng bốc dỡ qua cảng, lưu trữ dữ liệu;

- Ghi biểu mẫu thống kê nghề cá thương phẩm; thống kê sản lượng thủy sản qua cảng;

- Tổng hợp, báo cáo; lưu trữ dữ liệu theo quy định.....

3. Xác nhận nguồn gốc thủy sản khai thác theo quy định

Cấp giấy biên nhận, cấp Giấy xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản từ khai thác, lưu trữ dữ liệu. (nếu có).

4. Phối hợp tham gia công tác kiểm tra, giám sát tại cảng cá

- Bố trí văn phòng, trang thiết bị phục vụ công tác kiểm tra, giám sát tại cảng;

- Cung cấp thông tin cho cơ quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tàu cá tại cảng;

- Cử người tham gia kiểm tra, giám sát....

5. Thông tin

Thông tin về tình hình thời tiết trên hệ thống thông tin của cảng cá; tổ chức trực ban và treo tín hiệu cảnh báo khi có thiên tai theo quy định; thông báo danh sách tàu cá, số người trên tàu đang neo đậu tại vùng nước cảng; tổng hợp, báo cáo theo quy định...

6. Duy tu, bảo dưỡng và duy trì điều kiện hoạt động của cảng

Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng cảng cá đảm bảo an toàn cho người và phương tiện hoạt động trong cảng và các nhiệm vụ khác được phân công....

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Phân công rõ trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân thuộc tổ chức quản lý cảng cá để thực hiện các nhiệm vụ nêu trên Mục I.

III. NỘI DUNG KHÁC

.....

IV. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Định kỳ hàng năm, 5 năm, tổ chức quản lý cảng cá tiến hành đánh giá kết quả thực hiện Phương án đã được phê duyệt, báo cáo các cơ quan có liên quan.

B. DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ CHỦ YẾU PHỤC VỤ CHO BỐC DỠ HÀNG HÓA (ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CẢNG CÁ LOẠI I, II)

TT	Tên trang thiết bị	Công suất/ năng lực	Cảng cá Loại
1	Cần cầu cố định hoặc di động		
2	Xe nâng hàng		
3	Băng tải		
4	Xe đẩy hàng		
5	Cầu xe nâng		
6	Phương tiện vận chuyển hàng hóa		
7	Trạm cân		
...	Khác		

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02.CC

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
CẤP TRÊN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC _____
(*)

Số: .../QĐ-.....

....., ngày tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố mở cảng cá**

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THẨM QUYỀN BAN HÀNH (*)

Căn cứ

Căn cứ *Xét đề nghị của*

.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố mở cảng cá (tên cảng cá): Địa chỉ:
..... Số điện thoại:
.....EmailTần số liên lạc.....

1. Loại cảng cá (*I, II*):

2. Tọa độ vị trí của cảng cá: Vĩ độ:N; Kinh độ E

3. Thông số kỹ thuật của cầu cảng:

a) Cầu cảng số 1:...

+ Vị trí điểm đầu của luồng, độ sâu, chiều rộng luồng vào cầu cảng:....

+ Chiều dài cầu cảng:

+ Độ sâu vùng nước trước cầu cảng (mét):

+ Độ sâu vùng nước đậu tàu:

+ Cỡ, loại tàu cá lớn nhất có thể cập cảng:

b) Cầu cảng số...

+ Vị trí điểm đầu của luồng, độ sâu, chiều rộng luồng vào cầu cảng:....

+ Chiều dài cầu cảng:

+ Độ sâu vùng nước trước cầu cảng (mét):

+ Độ sâu vùng nước đậu tàu:

+ Cỡ, loại tàu cá lớn nhất có thể cập cảng:

4. Thông tin luồng vào cảng:

- Tọa độ điểm đầu của luồng: Vĩ độ:.....N; Kinh độ E;

Độ sâu của luồng (mét):..... Chiều rộng luồng (mét):.....

1. Độ sâu vùng nước đậu tàu (mét):.....

2. Tổng diện tích vùng đất cảng (ha):

3. Tổng diện tích vùng nước cảng (ha):

4. Năng lực bốc dỡ hàng hóa (lượng hàng hóa theo thiết kế (tấn/năm):

5. Thời gian cảng cá bắt đầu hoạt động:

6. Các dịch vụ nghề cá của cảng cá:

7. Tên tổ chức quản lý cảng cá (**):

Địa chỉ.....Điện thoại:..... Email:...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày

Điều 3, (*Tổ chức quản lý cảng cá*), Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều...;
- Bộ NN&MT/Cục
- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(*Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

Ghi chú:

(*) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố mở cảng cá loại I và loại II;

(**): Ghi rõ tên tổ chức được giao quản lý cảng cá, trực thuộc cơ quan/đơn vị nào (nếu có).

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO CƠ QUAN KHÁC THỰC HIỆN (ĐÃ ĐƯỢC XÃ HỘI HÓA)

1. Thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản - 1.003590

a) Trình tự thực hiện

(1) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại cơ sở đăng kiểm tàu cá quy định Cơ sở đăng kiểm tàu cá loại I thẩm định hồ sơ thiết kế đóng mới, cải hoán, sửa chữa phục hồi tất cả các loại tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; cơ sở đăng kiểm tàu cá loại II thẩm định hồ sơ thiết kế đóng mới, cải hoán, sửa chữa phục hồi tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản có chiều dài lớn nhất dưới 24 mét; cơ sở đăng kiểm tàu cá loại III thẩm định hồ sơ thiết kế đóng mới, cải hoán, sửa chữa phục hồi tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản có chiều dài lớn nhất dưới 15 mét hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính;

(2) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Cơ sở đăng kiểm tàu cá kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ;

(3) Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ sở đăng kiểm tàu cá xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ sở đăng kiểm tàu cá có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân bổ sung;

(4) Trong thời hạn 20 ngày (đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu) hoặc 10 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi), kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ sở đăng kiểm tàu cá tiến hành thẩm định thiết kế, nếu không đạt yêu cầu thì trả lời tổ chức, cá nhân; nếu đạt yêu cầu thì cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế theo Mẫu số 02.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 và ký, đóng dấu thẩm định vào tài liệu thiết kế;

(5) Cơ sở đăng kiểm tàu cá trả kết quả trực tiếp tại nơi nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

b) **Các thức thực hiện:** Trực tiếp tại Cơ sở đăng kiểm tàu cá đủ điều kiện được công bố.

c) **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm

- Đơn đề nghị thẩm định hồ sơ thiết kế theo Mẫu số 01.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

- Hồ sơ thiết kế tàu (03 bộ).

d) **Thời hạn giải quyết:** 20 ngày (đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu) hoặc 10 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi), kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

e) **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

g) **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Cơ sở đăng kiểm tàu cá đủ điều kiện được công bố

h) **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

i) **Phí, lệ phí (nếu có):** Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021

k) **Mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu số 01.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 02.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;
- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

Mẫu số 01.BĐ**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ****THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/ TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:

, ngày tháng năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN(*)**

Kính gửi:

Đơn vị thiết kế:

Địa chỉ :

Điện thoại :Fax :Email :

Chúng tôi đề nghị được thẩm định hồ sơ thiết kế tàu cá/tàu công vụ thủy sản//tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản(*) với các thông tin như sau:

- Tên/Ký hiệu thiết kế:.....Loại/năm thiết kế:.....

- Các thông số chính của tàu :

+ Chiều dài: L_{max} (m):...; Chiều rộng: B_{max} (m):...; Chiều cao mạn: D (m):...

+ Trọng tải toàn phần (DW):..... ; Vật liệu thân tàu :.....

+ Ký hiệu máy chính :.....; Tổng công suất máy chính (kW).....

+ Số lượng máy (chiếc) :..... ; Số lượng thuyền viên:

+ Kiểu và công dụng của tàu:.....

+ Nghề chính(**):, Nghề kiêm (nếu có):.....

- Tên/địa chỉ chủ sử dụng thiết kế:.....

.....

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ phí và lệ phí thẩm định thiết kế theo quy định hiện hành.

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú : () Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp, (**) Áp dụng đối với tàu cá.*

Mẫu số 02.BĐ

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ**TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ**

Căn cứ()...và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành của Nhà nước Theo đề nghị thẩm định thiết kế số.....ngày.....tháng.....nămcủa.....*

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM.....**CHỨNG NHẬN**

Tên thiết kế: Ký hiệu thiết kế:.....

Loại thiết kế: Năm thiết kế :

Công dụng: Vật liệu thân tàu :

Nghề chính^(*) :.....Nghề kiêm (nếu có) : Đơn vị thiết kế:..... Kích thước cơ bản (m): Lmax:
..... ; Bmax: ; D:.....

Ltk:; Btk: ; d:

Tổng dung tích (GT):.....; Trọng tải toàn phần (DW):; Số thuyền viên:

Ký hiệu máy chính: Tổng công suất

máy chính (kW): Số lượng máy chính (chiếc):..... Đã được thiết kế phù hợp với các yêu cầu của.....(**)...và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

Cấp tàu: Vùng hoạt động:

Chủ sử dụng thiết kế:..... Địa chỉ:
.....

Hiệu lực của Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế này là 60 tháng kể từ ngày ký, nếu không có thay đổi thiết kế đã được thẩm định.

Những lưu ý:.....

Cán bộ thẩm định kỹ thuật:.....

Cấp tại ngày

Nơi nhận :

- Chủ thiết kế (02 bản);
- Đơn vị thẩm (01 bản);
- Lưu đơn vị thẩm định^(***).

TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích : () Áp dụng đối với tàu cá.*

*(**) : Ghi rõ quy phạm áp dụng. (***) Kèm theo 01 hồ sơ thiết kế tàu.*

2. Chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản - 1.003563

a) Trình tự thực hiện

(1) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp tại cơ sở đăng kiểm tàu cá hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng;

(2) Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp: Cơ sở đăng kiểm tàu cá kiểm tra thành phần hồ sơ và trả lời ngay khi tổ chức, cá nhân đến nộp hồ sơ;

(3) Trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường mạng: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, cơ sở đăng kiểm tàu cá xem xét tính đầy đủ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, cơ sở đăng kiểm tàu cá có văn bản thông báo rõ cho tổ chức, cá nhân bổ sung;

(4) Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ sở đăng kiểm tàu cá thống nhất thời gian và địa điểm kiểm tra với tổ chức, cá nhân đề nghị;

(5) Cơ sở đăng kiểm tàu cá tiến hành giám sát an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo quy chuẩn kỹ thuật tàu cá và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan. Đối với vật liệu, máy móc, trang thiết bị quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT- BNNMT ngày 01/01/2026, theo tiến độ thi công, trước khi lắp đặt trên tàu, tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật nộp Giấy chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy (bản sao và xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực để đối chiếu) và xuất trình các tài liệu kèm theo (đối với vật liệu, máy móc, trang thiết bị sản xuất trong nước) hoặc nộp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, chứng nhận chất lượng và xuất trình tài liệu kỹ thuật hướng dẫn lắp đặt, sử dụng, sửa chữa thiết bị của nhà sản xuất (đối với vật liệu, máy móc, trang thiết bị nhập khẩu) hoặc nộp chứng nhận chế tạo, chứng nhận kiểm định theo quy định của pháp luật (bản sao và xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực để đối chiếu);

(6) Trường hợp máy chính là máy thủy đã qua sử dụng không đáp ứng theo quy định tại điểm đ khoản này thì phải được cơ sở đăng kiểm tàu cá kiểm tra, đánh giá theo Mẫu số 07.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT- BNNMT ngày 01/01/2026;

(7) Trường hợp kết quả không đạt yêu cầu, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành giám sát kỹ thuật, cơ sở đăng kiểm tàu cá thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân; trường hợp kết quả đạt yêu cầu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kiểm tra, cơ sở đăng kiểm tàu cá cấp cho chủ tàu các giấy tờ:

Biên bản kiểm tra kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 04a.BĐ đến Mẫu số 04o.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT- BNNMT ngày 01/01/2026;

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT- BNNMT ngày 01/01/2026;

Sổ đăng kiểm tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 06a.BĐ hoặc sổ đăng kiểm tàu công vụ thủy sản Mẫu số 06b.BĐ (đối với trường hợp kiểm tra đóng mới, lần đầu) Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT- BNNMT ngày 01/01/2026;

(8) Cơ sở đăng kiểm tàu cá trả kết quả trực tiếp tại nơi nhận hồ sơ hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

b) **Các thức thực hiện:** Cơ sở đăng kiểm tàu cá đủ điều kiện được công bố.

c) **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 03.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

- Bản chụp hồ sơ thiết kế đã được thẩm định đối với trường hợp đóng mới, cải hoán (không áp dụng khi cơ sở đăng kiểm thực hiện giám sát kỹ thuật đồng thời là cơ sở thẩm định hồ sơ thiết kế).

d) **Thời hạn giải quyết:** 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định, cơ sở đăng kiểm tàu cá thống nhất thời gian và địa điểm kiểm tra với tổ chức, cá nhân đề nghị; trường hợp kết quả đạt yêu cầu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành kiểm tra, cơ sở đăng kiểm tàu cá cấp cho chủ tàu các Biên bản kiểm tra kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 04a.BĐ đến Mẫu số 04o.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026

e) **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

g) **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Cơ sở đăng kiểm tàu cá đủ điều kiện được công bố

h) **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

i) **Phí, lệ phí (nếu có):** Thông tư số 94/2021/TT-BTC

k) **Mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Mẫu số 03.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 04a.BĐ đến Mẫu số 04o.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 05.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 06a.BĐ hoặc sổ đăng kiểm tàu công vụ thủy sản Mẫu số 06b.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

Mẫu số 03.BĐ

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc _____

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN (*)

Kính gửi:

Họ tên người đề nghị ;

Địa chỉ:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân số:..... Điện thoại.....Fax.....Email..... Đề nghị cơ sở đăng kiểm kiểm tra(**)... và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá/tàu công vụ thủy sản/tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản(*) Kích thước cơ bản (m): L_{max} : ; B_{max} : ; D:.....

L_{tk} :; B_{tk} : ; d:

Tổng dung tích (GT):.....; Trọng tải toàn phần (DW): ; Số thuyền viên: ...

Ký hiệu máy chính: Tổng công suất máy chính (kW): Số lượng máy chính (chiếc):..... Thời gian và địa điểm đề nghị kiểm tra:

.....

Chúng tôi đồng ý trả đầy đủ phí và lệ phí đăng kiểm theo quy định hiện hành.

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU/CHỦ CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chú thích: () Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp.*

*(**) Ghi rõ: Kiểm tra đóng mới, lần đầu, định kỳ, trên đà, hàng năm hay bất thường.*

**MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT HÀNG NĂM/TRÊN ĐÀ
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKTC... .., ngày tháng ... năm 20...



**BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT
HÀNG NĂM/TRÊN ĐÀ(*)**

Tên tàu:	Công dụng (nghề):		
Số đăng ký:	Năm, nơi đóng:		
Chủ tàu:	Địa chỉ:		
Nơi kiểm tra:			
Theo yêu cầu kiểm tra hàng năm/trên đà (*) của			
Chúng tôi gồm: 1.			
2.			
3.			
Là đăng kiểm viên của			
Đã kiểm tra an toàn kỹ thuật hàng năm/trên đà (*) tàu nói trên và nhận thấy:			
A. THÂN TÀU			
Kết cấu thân tàu:			
- Phần vỏ:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Phần thượng tầng:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Phần sơn tàu (đánh dấu tàu):	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
B. MÁY CHÍNH, MÁY PHỤ VÀ CÁC HỆ THỐNG			
Máy chính 1:			

Ký hiệu máy: Vòng quay định mức (<i>rpm</i>):			
Công suất, (<i>kW</i>): Số máy:			
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy chính 2:			
Ký hiệu máy: Vòng quay định mức, <i>rpm</i> :			
Công suất, <i>kW</i> : Số máy:			
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy chính....			
Máy phụ 1:			
Ký hiệu máy: Vòng quay định mức, <i>rpm</i> :			
Công suất, <i>kW</i> : Số máy:			
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy phụ 2:			
Ký hiệu máy: Vòng quay định mức(<i>rpm</i>):			
Công suất, (<i>kW</i>): Số máy:			
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Máy phụ.....			
C. HỆ TRỤC CHÂN VỊT			
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
D. CÁC TRANG THIẾT BỊ		Thoả mãn	Hạn chế
- Cứu sinh:			
- Tín hiệu:			
- VTĐ:			
- Hàng hải:			

- Neo:			
- Lái:			
- Trang thiết bị chữa cháy:			
- Chống thủng, chống chìm:			
- Khai thác:			
- Điện:			
- Lạnh:			
- Trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm biển:			
- Các trang thiết bị khác:			
TÓM TẮT VỀ KẾT QUẢ KIỂM TRA			
	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
1. Thân tàu :			
2. Máy chính, máy phụ:			
3. Các trang thiết bị:			
YÊU CẦU CỤ THỂ			
KẾT LUẬN			
Căn cứ vào kết quả kiểm tra, kết luận như sau:			
- Trạng thái kỹ thuật:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Vùng hoạt động:			
- Thời hạn đến hết ngày .../.../20..	Với điều kiện phải thực hiện các yêu cầu ứng với:		
Mạn khô,(m):; Trọng tải toàn phần, (DW):; Số thuyền viên, (người):.....			
- Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:			
Kết quả kiểm tra được ghi vào trang ...Số Đăng kiểm tàu cá/tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản.			
Biên bản này được lập 02 bản: Chủ tàu 01 bản, Cơ sở đăng kiểm tàu cá 01 bản			

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**ĐĂNG KIỂM VIÊN***(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)**Chú thích: (*) Gạch bỏ chỗ không phù hợp*

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT LẦN ĐẦU/ĐỊNH KỲ/CẢI HOÁN**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU
CÁ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC

**BIÊN B
Lần**

....., ngày.....tháng..... năm 20...

**ẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT
đầu/Định kỳ/Cải hoán^(*)**

Tên tàu:	Công dụng (nghề):		
Số đăng ký:	Năm, nơi đóng:		
Chủ tàu:			
Địa chỉ:			
Nơi kiểm tra:			
Kích thước Lmax (m) : Bmax (m): D (m):			
LTK (m) : BTK (m): d (m) :			
Theo yêu cầu kiểm tra đóng mới (lần đầu)/định kỳ/cải hoán ^(*) của:			
Chúng tôi gồm:			
1.			
2.			
3.			
Là đăng kiểm viên của cơ sở đăng kiểm.....			
Đã kiểm tra an toàn kỹ thuật đóng mới (lần đầu)/định kỳ/cải hoán ^(*) tàu nói trên và nhận thấy:			
A. THÂN TÀU			
Kết cấu thân tàu:			
- Phần vỏ:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động

- Phần thượng tầng:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Phần sơn tàu (đánh dấu tàu):	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động

Các tính năng kỹ thuật

- Tốc độ tự do (hl/h):
- Đường kính vòng quay trở: Quay phải (m):..... Thời gian (s):.....
 Quay trái (m):..... Thời gian (s):.....
- Quán tính: Tiến, khoảng cách (m):..... Thời gian (s):.....
 Lùi, khoảng cách (m):..... Thời gian (s):.....

B. MÁY CHÍNH, MÁY PHỤ VÀ CÁC HỆ THỐNG

Máy chính 1:	Số máy:	Công suất (Ne, kW):	
Ký hiệu máy:	Năm:	Nơi chế tạo:	
Vòng quay định mức ne (rpm):			
Kết quả kiểm tra	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động

Máy chính 2:	Số máy:	Công suất (Ne, kW):	
Ký hiệu máy:	Năm:	Nơi chế tạo:	
Vòng quay định mức ne (rpm):			
Kết quả kiểm tra	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động

Máy chính.....

Máy phụ 1:	Công suất, kW:	Số máy:	
Ký hiệu máy:	Năm:	Nơi chế tạo:	
Vòng quay định mức, rpm:			
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động

Máy phụ 2:	Công suất, kW:	Số máy:	
Ký hiệu máy:	Năm:	Nơi chế tạo:	
Vòng quay định mức, rpm:			
	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động

Kết quả kiểm tra:			
Máy phụ			
C. HỆ TRỤC CHÂN VỊT			
Kết quả kiểm tra:	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
D. CÁC TRANG THIẾT BỊ			
	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
- Cứu sinh:			
- Tín hiệu:			
- VTĐ:			
- Hàng hải:			
- Neo:			
- Lái:			
- Trang thiết bị chữa cháy:			
- Hút khô, chống thủng:			
- Khai thác:			
- Điện:			
- Lạnh:			
- Trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm biển:			
Các trang thiết bị khác:			
TÓM TẮT VỀ KẾT QUẢ KIỂM TRA			
	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
1. Thân tàu :			
2. Máy chính, máy phụ :			
3. Các trang thiết bị:			
YÊU CẦU CỤ THỂ			
KẾT LUẬN			
Căn cứ vào kết quả kiểm tra, kết luận như sau:			
- Trạng thái kỹ thuật	Thoả mãn	Hạn chế	Cấm hoạt động
Vùng hoạt động:			
- Thời hạn đến hết ngàytháng ... năm 20...với điều kiện phải thực hiện các yêu cầu ứng với:			
Mạn khô, <i>m</i> :.....; Trọng tải toàn phần,(DW):; Số thuyền viên, <i>người</i> :			
- Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:			

Kết quả kiểm tra được ghi vào trang Sổ Đăng kiểm tàu cá/tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

Biên bản này được lập 02 bản: Chủ tàu 01 bản, đăng kiểm tàu cá 01 bản.

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐĂNG KIỂM VIÊN

Chú thích: (*) Gạch bỏ chỗ không phù hợp.

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT TRƯỚC KHI CẢI HOÁN

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC

....., ngày tháng năm 20...



TR

ẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT**ƯỚC KHI CẢI HOÁN**

Tên tàu:		Công dụng (nghề):	
Số đăng ký:		Năm, nơi đóng:	
Chủ tàu:		Nơi kiểm tra:	
Địa chỉ:			
Thân tàu	Lmax (m): ;	Bmax (m): ;	D (m):.....
	LTK (m): ;	BTK (m): ;	d (m):.....
	Tổng dung tích (GT):	Trọng tải toàn phần (DW):	Vật liệu vỏ:
Máy chính	Ký hiệu:	Công suất định mức (kW):	Nơi chế tạo:
	Số máy:	Vòng quay định mức (v/p):	Năm chế tạo:

Theo yêu cầu kiểm tra:(*)....., ngày tháng.....năm 20.... của.....			
Chúng tôi gồm:			
Đăng kiểm viên của:			
Đã kiểm tra tàu nói trên và đánh giá như sau:			

I. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẢI HOÁN

A. THÂN TÀU

.....

B. MÁY CHÍNH, MÁY PHỤ VÀ CÁC HỆ THỐNG, HỆ TRỤC CHÂN VỊT

.....

C

ÁC TRANG THIẾT BỊ

.....

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẢI HOÁN

.....

YÊU CẦU CỤ THỂ

.....

KẾT LUẬN

.....

- Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:

Biên bản này được lập 03 bản: chủ cơ sở đóng mới/cải hoán 01 bản, chủ tàu 01 bản, Cơ sở Đăng kiểm tàu cá 01 bản

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số-nếu có, ghi rõ họ tên, đóng
 dấu-nếu có)

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÓNG MỚI/CẢI ĐĂNG KIỂM VIÊN
 HOÁN**

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên,
 đóng dấu)

Ghi chú : (*) Ghi rõ nội dung đề nghị cải hoán (vỏ, máy, nghề)

Mẫu số 04d.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT TRƯỚC KHI SỬA CHỮA

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

....., ngày tháng năm 20...



TR

ẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT

ƯỚC KHI SỬA CHỮA

Tên tàu:		Công dụng (nghề):	
Số đăng ký:		Năm, nơi đóng:	
Chủ tàu:		Nơi kiểm tra:	
Thân tàu	L_{max} (m): ;	B_{max} (m): ;	D (m):.....
	LTK (m): ;	BTK (m): ;	d (m):.....
	Tổng dung tích (GT):	Trọng tải toàn phần (DW):	Vật liệu vỏ:
Máy chính	Ký hiệu:	Công suất định mức (kW):	Nơi chế tạo:
	Số máy:	Vòng quay định mức (v/p):	Năm chế tạo:

Theo yêu cầu kiểm tra:(*)....., ngày thángnăm 20.... của.....			
Chúng tôi gồm:			
Đăng kiểm viên của:			
Đã kiểm tra tàu nói trên và nhận thấy:			
A. THÂN TÀU			
Vỏ tàu:			
.....			
Khung xương:			
.....			
Phần thượng tầng:			
Phần sơn và kẻ đường nước, thước nước:			

B. MÁY CHÍNH, MÁY PHỤ VÀ CÁC HỆ THỐNG

Máy chính:

Máy phụ:

Hệ thống phục vụ:

C. HỆ TRỤC CHÂN VỊT

Chân vẹt:

Trục chân vẹt:

Các chi tiết hệ trục:

D. CÁC TRANG THIẾT BỊ

Cứu sinh:

Tín hiệu:

Vô tuyến điện:

Hàng hải:

Neo:

Lái (bánh lái, hệ trục, máy lái):

Trang thiết bị chữa cháy:

Hút khô, chống thủng:

Khai thác:

Điện:

Lạnh:

Trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm biển:

Các trang thiết bị khác:

NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA ĐĂNG KIỂM VIÊN

.....

YÊU CẦU CỤ THỂ

.....

.....
KẾT LUẬN
.....
- <i>Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:</i>
<i>Biên bản này được lập 03 bản: Chủ tàu 01 bản, chủ cơ sở sửa chữa 01 bản, đăng kiểm tàu cá</i> <i>01 bản</i>

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU*(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÓNG TÀU***(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***ĐĂNG KIỂM VIÊN**

Ghi chú : (*) Ghi rõ nội dung sửa chữa (trên đà/định kỳ/bất thường)

Mẫu số 04đ.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA TỪNG PHẦN**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC

....., ngày tháng..... năm 20...

BIÊN BẢN**KIỂM TRA TỪNG PHẦN**

Tên sản phẩm:..... Nơi đóng
mới/cải hoán/sửa chữa..... Theo yêu
cầu:..... ; Ngày tháng năm..... Cửa: ;

Chúng tôi gồm:.....

Đăng kiểm viên của:..... Căn cứ vào hồ
sơ thiết kế và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

Kiểm tra từng phần:

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA^(*)

.....
.....
.....

YÊU CẦU CỤ THỂ

.....
.....
.....

KẾT LUẬN

.....
.....

Họ tên, chữ ký của những người có mặt khi kiểm tra:

.....
 Biên bản
 này được lập 03 bản ; chủ cơ sở đóng mới/cải hoán 01 bản, chủ tàu 01 bản, Đăng kiểm tàu cá 01
 bản.

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẠ **ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÓNG ĐĂNG KIỂM VIÊN(**)**
TÀU MÓI/CẢI HOÁN

(Chữ ký/ký số-nếu có, ghi rõ họ) *(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ*
tên, đóng dấu-nếu có) *tên, đóng dấu)*

Ghi chú:

() Không giới hạn độ dài trang, cách ghi và cách biểu diễn bằng các bảng, hình vẽ kỹ thuật đối
 với nội dung và kết quả kiểm tra.*

*(**) ĐKV theo chuyên môn.*

Mẫu số 04e.BĐ

MẪU BIÊN BẢN THỦ' NGHIÊNG NGANG

**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
CÁ NAM**

Số: /ĐKTC

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20....

BIÊN BẢN THỦ' NGHIÊNG NGANG

Tên sản phẩm:.....

Ký hiệu thiết kế:.....

Đơn vị thi công:.....

Phương pháp thử Ống thủy bình / Quả dọi

I. KÍCH THƯỚC CHÍNH CỦA TÀU

- Chiều dài lớn nhất L_{max} = m
- Chiều dài hai trụ L_{pp} = m
- Chiều rộng lớn nhất B_{max} = m
- Chiều rộng thiết kế B_{tk} = m
- Chiều cao mạn D = m
- Chiều chìm thiết kế d = m
- Lượng chiếm nước Δ = Tấn

II. THÀNH PHẦN THAM GIA THỬ**1. Đại diện đăng kiểm :**

- -

- -

- -

2. Đại diện thiết kế :

- -

- -

3. Đại diện nhà máy :

- -

- -

4. Chủ tàu :

- -

III. THỜI GIAN THỬ

Từ.....giờ đến.....giờ....., Ngày..... thángnăm.....

IV. ĐỊA ĐIỂM THỬ

Tại :.....Độ sâu nơi thử :

V. THỜI TIẾT

+ Tạnh ráo, nhiệt độ ⁰C

+ Tỷ trọng nước: tấn/m³

+ Tốc độ gió: trước, trong và sau khi thử m/s

+ Tốc độ dòng chảy m/s

VI. ĐỘ NGHIÊNG BAN ĐẦU

VII. MÓN NƯỚC CỦA TÀU TRƯỚC VÀ SAU KHI THỬ

Món nước (đo tại thước nước)	Mạn trái (m)		Mạn phải (m)	
	Mũi tàu	Lái tàu	Mũi tàu	Lái tàu
- Trước khi thử				
- Sau khi thử				

VIII. GÓC TỌA ĐỘ

- Góc tọa độ của tàu tại :

IX. KHỐI LƯỢNG VẬT DẪN

- Là **04** vị trí vật dẫn: tổng khối lượng là.....kg, chia thành **04** nhóm và được đặt trên... ở các vị trí sau:

Số nhóm vật dẫn	Vị trí các nhóm vật dẫn	Trọng lượng, P (Kg)	Tay đòn dịch chuyển, Xi (m)	Chiều cao trọng tâm tính từ ĐCB, Zi (m)
I				
II				
III				
IV				

- Sai số khi cân mỗi nhóm: $DP = \quad \text{Kg}$

X. THỨ TỰ DI CHUYỂN CÁC NHÓM VẬT DẪN GÂY NGHIÊNG

- Sai số của khoảng cách di chuyển $DLi = \quad \text{mm}$

Thứ tự di chuyển	Số nhóm vật dẫn		Khoảng cách di chuyển vật dẫn (Li)
	Mạn trái	Mạn phải	
0			
1			
2			
3			
.....			

XI. TRỌNG LƯỢNG THỬ

TT	Tên gọi trọng lượng	Vị trí	Trọng lượng, P (Tấn)	Tọa độ (m)		
				Xg	Yg	Zg
1	Nhóm vật dẫn I					

2	Nhóm vật dẫn II					
3	Nhóm vật dẫn III					
4	Nhóm vật dẫn IV					
5	Người vận chuyển vật dẫn					
6	Nhóm đọc, ghi dọi (ống thủy bình) 1					
7	Nhóm đọc, ghi dọi (ống thủy bình) 2					
8	Thùng nước 1					
9	Thùng nước 2					
10	Chỉ huy thử					
11	Giám sát					
12	Dầu máy					
13	...					

XII. TRỌNG LƯỢNG THIỂU

T T	Tên gọi trọng lượng	Vị trí	Trọng lượng, P (Tấn)	Tọa độ (m)		
				Xg	Yg	Zg
1						
2						
....						

XIV BẢNG GHI ĐỘ LỆCH CỦA ỐNG THỦY BÌNH

- a. Ống thủy bình mũi: Vị trí đặt ống thủy bình : Khoảng cách giữa 2 đầu ống (m)

Mạn phải :

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0										
1										
2										
....										

Người đọc Người ghi Đăng kiểm

Mạn trái :

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0										
1										
2										
...										

Người đọc Người ghi Đăng kiểm

b. Ống thủy bình lái :

Vị trí đặt ống thủy bình :Khoảng cách giữa 2 đầu ống (m)

Man phải :

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0										
1										
2										
...										

Người đọc Người ghi Đăng kiểm

Mạn trái:

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
0										
1										
2										
...										

Người đọc Người ghi Đăng kiểm

XV. BẢNG GHI ĐỘ LỆCH CỦA QUẢ DỌI

a. Quả dọi mũi: Vị trí đặt quả dọi :Chiều dài dây dọi (m)

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	I		II		III		IV		V	
	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải
1										
2										
...										

Người đọc Người ghi Đăng kiểm

b. Quả dọi lái: Vị trí đặt quả dọi : Chiều dài dây dọi (m)

Lần dịch chuyển	Số lần dao động									
	I		II		III		IV		V	
	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải
0										
1										
2										
...										

Người đọc Người ghi Đăng kiểm

c. Quả dọi giữa: Vị trí đặt quả dọi :chiều dài dây dọi (m)

Lần	Số lần dao động

dịch chuyển	I		II		III		IV		V	
	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải	Trái	Phải
1										
2										
....										

Người đọc Người ghi Đăng kiểm

**CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ CƠ SỞ ĐÓNG TÀU THIẾT KẾ
TÀU**

ĐĂNG KIỂM VIÊN

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu) (Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04g.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẠY THỬ MÁY CHÍNH TẠI BẾN

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /ĐKTC _____

....., ngày tháng..... năm 20...

**BIÊN BẢN KIỂM TRA
CHẠY THỬ MÁY CHÍNH TẠI BẾN^(*)**



Tên tàu:; Ký hiệu thiết kế: Ký hiệu máy:
.....; Số máy :.....

Công suất Ne, kW:; Vòng quay định mức ne, rpm: Nơi sản xuất : ; Năm
sản xuất : ...

Số TT	Chế độ thử		Vòng quay máy (rpm)	Thời gian (min)	áp lực dầu bôi trơn kg/cm ²	Nhiệt độ dầu bôi trơn, °c	Nhiệt độ nước làm mát, °c		Nhiệt độ khí xả, °c	áp lực dầu hộp số kg/cm ²	Nhiệt độ dầu hộp số, °c
	% Công suất Ne	ứng với % ne					Vòng trong	Vòng ngoài			
1	Chạy không tải			15							
Chạy tiến											
2	39	50		15							
3	63	63		15							
4	83	73		15							
5	100	82		2÷4h							
Chạy lùi											
6	85	75		15							
7	Chạy ở vòng quay ổn định nhỏ nhất		Theo thực tế	15							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

.....

.....

.....

.....

CHỦ TÀU/ĐẠI CỐ	SỞ ĐÓNG DẤU	DIỆN	HÃNG ĐĂNG
DIỆN CHỦ TÀU TÀU	MÁY/CƠ SỞ	CUNG KIỂM VIÊN	CẤP/SỬA CHỮA
<i>(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i>		<i>(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i>	

Ghi chú: () Không áp dụng đối với tàu cá vỏ gỗ. Đăng kiểm xem xét áp dụng quy trình thử của hãng máy trong trường hợp hãng máy đã công bố quy trình thử.*

Mẫu số 04h.BĐ

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng..... năm 20...

**BIÊN BẢN THỬ TÀU****(Thử đường dài – xuất xưởng)**

Tên tàu:.....; Ký hiệu thiết kế:..... Chủ
 tàu:..... Nơi thường
 trú:..... Nơi
 đóng:.....; Năm đóng:..... Cơ sở đăng
 kiểm:.....

Tàu đã hoàn thành các bước kiểm tra kỹ thuật và thử tại bến, nay đủ điều kiện thử đường dài.

Khu vực tiến hành cuộc thử :

Trong điều kiện thời tiết:, Độ sâu, mét: Hướng dòng chảy:
, Cấp gió, Bôfo:

A. THÀNH PHẦN THỬ TÀU GỒM:

1. Đại diện Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....
2. Đại diện chủ tàu:.....
3. Đại diện cơ sở đóng, sửa tàu:.....

* Điều khiển tàu : Ông.....bằng T. trưởng số:.....

Ngày cấp bằng:.....; Nơi cấp:.....

* Phụ trách máy: Ông..... bằng M. trưởng số:..... Ngày cấp
 bằng:.....; Nơi cấp:..... Cùng thủy thủ
 đoàn theo đúng quy định thử tàu.

Tàu chạy thử trong điều kiện đủ phao cứu sinh, dụng cụ chống cháy, chống thủng và các yêu cầu khác, đảm bảo hoạt động, sinh hoạt trong thời gian thử tàu.

B. KẾT QUẢ THỬ TÀU

1. Thân tàu: Đã thử các tính năng (có bảng kết quả kèm theo) và nhận thấy:

.....

2. Máy chính và các hệ thống phục vụ máy chính hoạt động :

Nhãn hiệu máy:.....; Công suất, kW :.....; Vòng quay định mức, rpm :..... Kiểu hộp số:.....; $i =$

3. Máy phụ:

Nhãn hiệu máy:.....; Công suất, kW :.....; Vòng quay định mức, rpm :..... Kết quả kiểm tra mục 2 và 3 (có bảng kết quả kèm theo):

.....

4. Hệ trục chân vịt :

Số lượng:.....; Vật liệu trục:.....; đường kính trục (mm) :..... Chân vịt: $D =$, mm; $Z =$; $H/D =$, $n_{cv} =$ rpm , $\theta =$ Chiều quay (nhìn từ lái): ;

Kết quả kiểm tra :.....

5. Hệ thống lái, neo:

Kiểu lái:.....; Truyền dẫn lái:.....; lái dự phòng :.....

Tời neo, kiểu:.....; Số lượng neo: chiếc

Trọng lượng (kg/chiếc):..... ; dây neo, dài:m

Đường kính dây neo, $f = \dots$ mm

Kết quả kiểm tra mục 4 và 5 (có bảng kết quả kèm theo):

.....

6. Trang bị cứu sinh:

* Phao bè, kiểu, *cái*:.....; Dụng cụ nổi, *cái*:

Phao tròn, *cái*:.....; Phao áo, *cái*:.....

* Xuồng cấp cứu, kiểu, *cái*:.....

Kết quả kiểm tra:

.....

7. Trang bị tín hiệu:

* Đèn tín hiệu: Đèn hành trình (*mạn, cột, lái*).....

* Đèn đánh cá: Xanh:; Trắng:.....; Đỏ ;

Đèn nháy (màu vàng):.....Đèn pha:

* Đèn neo (trắng):.....; Đèn "mất khả năng điều động" (màu đỏ), *cái*:.....

* Âm hiệu : Còi, kiểu, *cái*:....; Chuông, kiểu, *cái*:.....; Pháo hiệu, *cái*:.....

* Vật hiệu: Hình cầu, *cái*:.....; Hình nón, *cái*:.....; Hình thoi, *cái*:..... Kết quả kiểm tra:

.....

8. Trang bị hàng hải:

* La bàn lái, kiểu, *cái*:.....; ống nhòm, *cái*:.....

* Ra đa hàng hải, kiểu:.....; số máy:.....

* Định vị vệ tinh, kiểu:.....; số máy:.....

* Lò cá, đo sâu, kiểu:.....; số máy:.....

* Đèn tín hiệu ban ngày: Kết quả kiểm tra:

.....

9. Thiết bị VTĐ:

* Máy thu, phát VTĐ, kiểu:.....; Công suất, W :.....; số máy:.....

* Máy đàm thoại sóng ngắn 02 chiều, kiểu:.....; Công suất, W :.....

* Các máy VTĐ khác:..... Kết quả kiểm tra:

10. Máy khai thác:

* Loại máy:.....; Sức kéo định mức, *kg*:..... Năm, nơi chế tạo:.....

* Hệ thống động lực dẫn động:.....; Công suất (kW):.....

* Dụng cụ đánh bắt khác:.....

* Hệ thống tăng gông:.....

* Hệ thống ánh sáng (tổng công suất, kW):.....

Loại đèn, số lượng (cái): :.....

11. Hệ cẩu:

* Cản cẩu, kiểu:.....; Tầm với, m:..... Sức nâng, *kg*:.....

* Pa lăng (cái):; Tải trọng (kW):.....; Ròng rọc (cái):..... Kết quả kiểm tra mục 10, 11:

.....

12. Thiết bị điện:

* Máy phát điện, kiểu:.....; Vòng quay *ne(rpm)*:.....

Công suất, kW:.....; Điện áp (V):.....

* Động cơ điện, kiểu:.....; Vòng quay $n(rpm)$:.....

Công suất, kW:.....; Điện áp (V):.....

* Ấc quy, kiểu:.....; Dung lượng (A/h):.....

Công suất, kW:.....; Điện áp (V):..... Số lượng bình:
.....

Kết quả kiểm tra:
.....

13. Hệ thống đường ống:

Kết quả kiểm tra:
.....
.....

14. Trang thiết bị chữa cháy:

* Bơm chữa cháy, kiểu bơm:.....; Sản lượng:.....

Các thiết bị khác:

Kết quả kiểm tra:
.....
.....

15. Trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm biển:

Kết quả kiểm tra:
.....
.....

16. Thiết bị lạnh:

* Thiết bị lạnh, kiểu máy:.....; Công suất:..... Kết quả
kiểm tra:
.....
.....

17. Tính năng kỹ thuật của tàu: (có bảng kết quả kèm theo)

* Tốc độ tự do trung bình (hl/h):

* Đường kính vòng quay trở: Trái (m) :.....; Thời gian (s):.....

Phải (m) :.....; Thời gian (s):.....

* Quán tính: Tiên, khoảng cách (m) :.....; Thời gian (s):..... Lùi, khoảng cách(m) :.....; Thời gian, (s):.....

C. KẾT LUẬN

.....

Chúng tôi nhất trí đánh giá :..... Biên bản này được đọc cho mọi người cùng nghe.

Biên bản được lập thành 04 bản: Đăng kiểm 01 bản, chủ tàu 01 bản, cơ sở đóng tàu 02 bản

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ**

*(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ
 họ tên, đóng dấu)*

**CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU
 MỚI, CẢI HOÁN TÀU**

*(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ
 tên, đóng dấu)*

Mẫu số 04i.BĐ

MẪU BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO TỐC ĐỘ TÀU**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC

....., ngày tháng..... năm...

**BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO TỐC ĐỘ TÀU**

Tên tàu:; Ký hiệu thiết kế: Kích thước chính (Lmax x Bmax x D): Chiều chìm d, m:; mạn khô f, m:

TTT	Vòng quay máy chính, ne (rpm)	Công suất máy chính, Ne (kW)	Tốc độ tàu (h/h)	Tốc độ gió (m/s)	Hướng gió	Trạng thái mặt nước (cấp sóng)	Ghi chú
1							
2							
3							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÓNG TÀU ĐĂNG KIỂM VIÊN

CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi họ tên, đóng dấu)

rõ

họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04k.BĐ

MẪU BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO QUÁN TÍNH TÀU**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC _____

....., ngày tháng..... năm...

**BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO QUÁN TÍNH TÀU**

Tên tàu:; Ký hiệu thiết kế: Kích thước chính (Lmax x Bmax x D):

Chiều chìm d, m:; mạn khô f, m:

TTT	Chế độ	Quãng đường tàu trượt theo quán tính (m, hoặc Lmax)	Thời gian trượt theo quán tính (s)	Ghi chú
1	Tàu chạy tiến toàn tốc, ngừng máy (stop) → khi tàu dừng (100% công suất)			
2	Tàu chạy tiến toàn tốc, ngừng máy (stop), lùi nhanh → khi tàu dừng (100% công suất)			
3	Tàu chạy lùi toàn tốc, ngừng máy(stop) → khi tàu dừng (100% công suất)			

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÓNG TÀU **ĐĂNG KIỂM VIÊN**
CHỦ TÀU *(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi*
(Chữ ký/ký số -nếu có, rõ họ tên, đóng dấu)
ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 041.BĐ

MẪU BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO TÍNH NĂNG QUAY TRỞ CỦA TÀU**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC _____

....., ngày tháng..... năm ...

**BẢNG GHI KẾT QUẢ ĐO****TÍNH NĂNG QUAY TRỞ CỦA TÀU**

Tên tàu:; Ký hiệu thiết kế: Kích thước chính (Lmax x Bmax x D):

Chiều chìm d, m:; mạn khô f, m:

TTT	Hướng quay	Vòng quay máy chính (rpm)	Công suất máy chính, kW	Cấp gió và hướng gió (bofo)	Đường kính vòng lượn (m)	Thời gian lượn vòng (s)	Góc nghiêng ngang khi lượn (độ)	Ghi chú
1	Phải							
2	Trái							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÓNG TÀU ĐĂNG KIỂM VIÊN

CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi

(Chữ ký/ký số -nếu có, rõ họ tên, đóng dấu)

ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04m.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẠY THỬ MÁY CHÍNH ĐƯỜNG DÀI**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC _____

....., ngày tháng..... năm ...

**BIÊN BẢN KIỂM TRA****CHẠY THỬ MÁY CHÍNH ĐƯỜNG DÀI(*)**

Tên tàu : ; Ký hiệu thiết kế :

Ký hiệu máy : ; Số máy :

Công suất Ne, kW : ; Vòng quay định mức ne, rpm:

Nơi sản xuất : ; Năm sản xuất :

Số TT	Chế độ thử		Vòng quay máy (rpm)	Thời gian (min)	áp lực dầu bôi trơn kg/cm ²	Nhiệt độ dầu bôi trơn, °c	Nhiệt độ nước làm mát, °c		Nhiệt độ khí xả, °c	áp lực dầu hộp số kg/cm ²	Nhiệt độ dầu hộp số, °c
	% Công suất Ne	ứng với % ne					Vòng trong	Vòng ngoài			
1	Chạy không tải			15							
Chạy tiến											
2	25	63		15							
3	50	80		15							
4	75	91		15							
5	100	100		4÷6h							
6	110	103		15							
Chạy lùi											
7	100	100		15							

8	Chạy ở vòng quay ổn định nhỏ nhất	Theo thực tế	15							
---	--------------------------------------	--------------------	----	--	--	--	--	--	--	--

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

.....

.....

**CHỦ TÀU/ĐẠICO SỞ ĐÓNGĐẠI DIỆN HÃNG/CƠ SỞĐĂNG KIỂM VIÊN
DIỆN CHỦ TÀU TÀU CUNG CẤP/SỬA
CHỮA MÁY**

*(Chữ ký/ký số -nếu(Chữ ký/ký số -nếu(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ
có, ghi rõ họ tên, có, ghi rõ họ tên, họ tên, đóng dấu)
đóng dấu) đóng dấu)*

Ghi chú: (*) Đăng kiểm xem xét áp dụng quy trình thử của hãng máy trong trường hợp hãng máy đã công bố quy trình thử.

Mẫu số 04n.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA CHẠY THỬ MÁY PHỤ LAI MÁY PHÁT ĐIỆN
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /ĐKTC

....., ngày tháng..... năm 20..



BIÊN BẢN KIỂM TRA

CHẠY THỬ CỤM MÁY PHỤ LAI MÁY PHÁT ĐIỆN(*)

Tên tàu:; Ký hiệu thiết kế:

Ký hiệu máy:; Số máy :

Công suất Ne, kW:; Vòng quay định mức ne, rpm:

Nơi sản xuất : ; Năm sản xuất :

TT	Chế độ thử		Vòng quay máy (rpm)	Thời gian (min)	áp lực dầu bôi trơn kg/cm ²	Nhiệt độ dầu bôi trơn 0C	Nhiệt độ nước làm mát, 0C	Công suất máy phát (kW)	Dòng điện (A)	Điện áp (V)	Tần số (Hz)
	% Công suất Ne	ứng với % ne									
1	Chạy không tải			15							
Chạy có tải											
2	50	80		15							
3	75	91		30							
4	100	100		60							

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

Mẫu số 04o.BĐ

MẪU BẢNG GHI KẾT QUẢ THỬ THIẾT BỊ NEO**CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁC QUỐC HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /ĐKTC _____

....., ngày tháng..... năm 20...

**BẢNG GHI KẾT QUẢ THỬ THIẾT BỊ NEO**

Tên tàu:; Ký hiệu thiết kế: Kiểu neo:
; Số lượng, chiếc:..... Trọng lượng, kg/chiếc:

Kiểu tời neo:; Chiều dài dây neo, m:.....

TT	Chế độ thử	Độ sâu nơi đậu (m)	Chiều dài dây neo thả xuống (m)	Tốc độ kéo neo (m/min)		Ghi chú
				1 neo	2 neo	
1	Thả neo					
2	Kéo neo					

Ý KIẾN NHẬN XÉT

.....

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐÓNG TÀU ĐĂNG KIỂM VIÊN
CHỦ TÀU

*(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi
(Chữ ký/ký số -nếu có, rõ họ tên, đóng dấu)
ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 04p.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA TÀU CÁ CÓ CHIỀU DÀI LỚN NHẤT DƯỚI 12 MÉT

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKTC...

....., ngày tháng ... năm 20...

BIÊN BẢN KIỂM TRA TÀU CÁ**(Tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét)**Tên tàu:....., Số đăng ký^(*):

Nơi kiểm tra:..... Theo yêu

cầu:.....; Ngày tháng năm.....

Của:..... Chúng tôi

gồm:.....

Đăng kiểm viên của:..... Tiến hành

kiểm tra và xác nhận tàu cá có đặc điểm cơ bản như sau:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):.....

Năm, nơi đóng:

Nơi đăng ký^(*):

Thông số cơ bản của tàu (m): Lmax=.....; Bmax=.....; D=..... Vật liệu vỏ:

.....; Nghề kiếm:

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm

Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:

.....

..... Biên bản này

được lập 02 bản: Chủ tàu 01 bản, đăng kiểm tàu cá 01 bản.

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

ĐĂNG KIỂM VIÊN

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: () Ghi trong trường hợp cải hoán.*

Mẫu số 05.BĐ

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số /ĐKTC

Độc lập – Tự do – Hạnh phúcN⁰

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN(*)*Technical and safety certificate of fishing vessel/ships duty fisheries/ships serving aquaculture (*)*

Tên tàu:.....

Name of vessel.....

Số đăng ký: Hô hiệ

*Registration Call number..... sign.....*Chủ tàu: (*Vessel's owner*)..... Quốc tịch: (*Flag*)..... Địa chỉ: (*Address*).....Năm và nơi đóng: (*Year and Place of Build*).....

Công dụng (nghề): Vật liệu thân, vỏ:

.....
.....
*Materials.....**Used for (fishing gear).....*

.....

Tổng dung tích: Gross Trọng tải toàn phần: Số thuyền viên:

*tonnage..... Chiều dài,.....*Lmax (m) *Deadweight..... Number of**Length overal..... crew.....*

Chiều rộng, Bmax Chiều cao mạn, D:

(m) (m)

*Breadth Draught.....**overal.....*

Chiều dài thiết kế, Ltk: ...(m) Chiều rộng thiết kế, Chiều chìm, d:
Length..... *Btk* (m) (m)
Breadth..... *Depth*.....

Tổng công suất máy chính, Số lượng máy
 Ne (KW): chính:.....
Total *Number* *of*
Power..... *Engines*.....

TT	Ký hiệu máy <i>Type of machine</i>	Số máy <i>Number engines</i>	Công suất, Ne (kW) <i>Power</i>	Năm và nơi chế tạo <i>Year and Place of Build</i>

- Căn cứ vào quy phạm và các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành của Nhà nước và biên bản kiểm tra kỹ thuật số/ĐKTC, ngày tháng năm

Pursuant to the vessel's technical check minute no:..... dated on

Đăng kiểm tàu cá chứng nhận:

Fishing vessel register certify that

- Trạng thái kỹ thuật của tàu: (*Technical state of the fishing vessel*).....

- Cấp tàu <i>The class</i>	Không hạn chế <i>Unlimited</i>	Hạn chế I <i>Limitations I</i>	Hạn chế II <i>Limitations II</i>	Hạn chế III <i>Limitations III</i>

Được phép hoạt động tại:.....

Allowed to operate at.....

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến: ngày tháng năm

This certificate is valid until

Cấp tại, ngàytháng.....năm..... *Issued at* *Date*.....

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

(*Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

Ghi chú: (*) Gạch hoặc xóa bỏ chỗ không phù hợp.

28 Mẫu số 06a.BĐ

MẪU SỐ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN



**SỔ ĐĂNG KIỆM TÀU CÁ/TÀU PHỤC VỤ
NUÔI TRỒNG THỦY SẢN(*)**

ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TÀU

Kiểu tàu: Năm đóng:
 Nơi đóng:
 Công dụng (nghề):.....
 Số lượng thuyền viên:

THÂN TÀU

Kích thước L_{max} , ; B_{max}, m ; D, m :.....
 Trọng tải toàn phần (DW): ...; Vật liệu vỏ:
 Tốc độ tàu hl/h.

MÁY CHÍNH

Các thông số kỹ thuật chủ yếu: **Máy số 1, Máy số 2, Máy số 3**
 Ký hiệu máy:
 Công suất định mức N_e , KW
 Vòng quay định mức $n_e, v/ph$
 Nơi chế tạo:
 Năm chế tạo:
 Kiểu hộp số:
 Tỷ số truyền, tiến:

lùi:

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG SỔ

- Sổ đăng kiểm tàu cá/tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản^(*) được lập trên cơ sở hồ sơ kỹ thuật của tàu; các trang thiết bị lắp đặt trên tàu và kết quả giám sát kỹ thuật của Đăng kiểm tàu cá trong đóng mới, lần đầu. Các thông số kỹ thuật thoả mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tàu cá và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.
- Trạng thái kỹ thuật của tàu theo chu kỳ phải được Đăng kiểm tàu cá kiểm tra và chấp nhận vào sổ này.
- Sổ đăng kiểm tàu cá dùng trong suốt đời con tàu để ghi các thông số chính bao gồm cấp tàu, mạn khô, trang thiết bị, tổng dung tích.
- Những thay đổi (nếu có) của tàu và các trang thiết bị lắp đặt trên tàu phải được Đăng kiểm tàu cá kiểm tra, xác nhận cho đến khi tàu không còn được sử dụng (giải bản, chìm đắm không thể trục vớt).
- Sổ Đăng kiểm tàu cá/tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản^(*) phải được lưu giữ trên tàu cùng với Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và các biên bản kiểm tra kỹ thuật do Đăng kiểm tàu cá cấp.

Cấp tại.....ngày.....tháng.....năm.....

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

THIẾT BỊ KHAI THÁC**Máy khai thác:**

Loại máy

Sức kéo định mức
(KG)Năm, nơi chế
tạo

TT	Ký hiệu máy	MÁY PHỤ		Công dụng	Nơi chế tạo
		Công suất N_e , KW	Vòng quay $n_e, v/ph$		

THIẾT BỊ ĐẨY TÀU

Đặc tính kỹ thuật Chân vịt 1 Chân vịt 2 Chân vịt 3

Kiểu:

Vật liệu chế tạo:

Vòng quay $n_{cv}, v/ph$:Đường kính D_{cv}, m :

Số cánh Z:

Khối lượng, Kg:

Tỉ số H/D:

Tỉ số mặt đĩa θ :**TRANG BỊ CỨU SINH**

Phao bè:..... Số lượng:..... Sức chở:người

Dụng cụ nổi:..... Số lượng:..... Sức chở:người

Phao tròn:..... chiếc Phao áo:..... chiếc

THIẾT BỊ ĐIỆN

Số lượng máy phát:..... Kiểu máy phát:

Công suất (KW): Điện áp (V):

Ắc quy loại: dung lượng (Ah): Số lượng: ...

THIẾT BỊ KHÍ NÉN

Ký hiệu máy nén:; Số lượng và dung tích bình:

Năm và nơi sản xuất:

Áp suất làm việcKG/ cm³**Hệ thống động lực dẫn động:**

Ký hiệu máy: Công suất (KW):

Lưới: Kích thước:.....; trọng lượng (KG):.....**Dụng cụ đánh bắt khác:****Hệ thống tăng gông:****Thiết bị phụ** (Trụ ván, puly, con lăn...):.....**Cầu:** Kiểu loại:.....Số lượng (cái): Vật liệu:

Kết cấu: Tầm với (m):

Tải trọng (KG):; Móc cầu (cái):

Pa lăng (cái):.....; Tải trọng (KG):.....; Ròng rọc(cái): ...

Hệ thống ánh sáng: Tổng công suất (KW):.....

Loại đèn, số lượng

(cái):.....

THIẾT BỊ LẠNH Máy nén: Số lượng: ... cáiÁp suất nén: KG/cm² Tác nhân lạnh:

Năm và nơi sản xuất:

 Bình ngưng Số lượng: cái Dung tích:
.....m³Áp suất KG/cm²

Năm và nơi sản xuất:

TRANG BỊ CỨU HOÁBơm nước: Số lượng: ... Lưu lượng: m³/hBình bọt: bình Bình CO₂.....bình Ròng rọc Xô múc Cát

THIẾT BỊ NEO - CHẰNG BUỘC

Loại neo: ; Năm, nơi chế tạo:

Trọng lượng neo: Neo phải:..... kg Neo trái: ... kg

Chiều dài xíchNeo phải: m Neo trái: ... m
neo:

Đường kính xích/cáp neo: mm

Thiết bị chằng buộc:

Dây buộc: Loại: Số lượng: ... Chiều dài: m

Cột buộc: Kiểu: Số lượng: ... Vật liệu: ...

THIẾT BỊ LÁI

Lái chính kiểu:; Lái phụ kiểu:

Truyền dẫn lái:

.....

ĐẶC TÍNH HÀNG HẢI

- Tốc độ tự do, hải lý/h:

.....

- Đường kính vòng quay trở:

Quay phải, *m* ; Thời gian, *s*:

.....

Quay trái, *m* ; Thời gian, *s*:

.....

- Máy thu phát vô tuyến điện thoại cực ngắn MF:
- Máy thu phát VHF hai chiều:
- Máy thu trực canh tần số cấp cứu:
- Các thiết bị khác:

100

TRANG BỊ HÀNG HẢI

- La bàn từ La bàn lái Sào đo nước
- Ống nhòm Đồng hồ đo nghiêng Bộ cờ hàng hải
- Rada hàng hải Máy thu định vị vệ tinh GPS

- Quán tính:

Tiến, khoảng cách, *m* ; Thời gian, *s*:

Lùi, khoảng cách, *m* ; Thời gian, *s*:
.....

Đăng kiểm tàu cá chứng nhận:

- Các thiết bị khác:

- Tàu được nhận cấp **TRANG BỊ TÍN HIỆU**

- Đèn tín hiệu hành trình: Pháo hiệu:.....
- Đèn tín hiệu đánh cá: Âm hiệu:.....
- Vật hiệu: Đèn tín hiệu nhấp nháy:.....

- Trạng thái kỹ thuật của tàu **THAM HÀNG**.....

- Ngày hoàn thành kiểm tra định kỳ: Ngày tháng năm
Hàm cá: Số lượng: Tổng dung tích: tấn

- Được phép hoạt động tại vùng:
Các hàm khác: Neò..... Dụng cụ..... Tạp vật.....

Đến ngàytháng.....năm phải đưa tàu vào kiểm tra

(hàng năm) lại.

Ngàytháng năm

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

.....

.....

.....

**CHI TIẾT CHU KỲ KIỂM
TRA**

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng
năm tại biên bản số
.....

.....
....., ngày
..... Nơi kiểm
tra:.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
.....
.....

....., xác nhận cấp
tàu hàng năm lần thứ
nhất:..... Được phép hoạt
động tại
vùng:.....

.....
.....
.....
.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.

phải đưa tàu
vào kiểm tra
hàng năm.

.....ngày.....tháng...
..năm.....

**ĐĂNG KIỂM TÀU
CÁ**

Căn cứ kết quả kiểm
tra hàng năm/trên
đà^(*) tại biên bản số
...

.....
.....,
ngày
.....
Nơi kiểm

tra:.....
.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
.....
.....

....., xác nhận cấp tàu hàng
năm lần thứ 02/trên
đà^(*):..... Được phép hoạt
động tại
vùng:.....
.....

.....
.....
.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.
phải đưa tàu vào kiểm
tra
trên đà/hàng năm^(*).

Căn cứ kết quả kiểm
tra trên đà tại biên bản
số ...

.....
....., ngày
..... Nơi
kiểm
tra:.....
.....
.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu
cá
.....
.....

....., xác nhận cấp
tàu trên đà

Được phép hoạt động
tại
vùng:.....
.....

.....
.....
.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.

phải đưa tàu vào kiểm
tra
hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm...

..

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng
năm/trên đà(*) tại biên bản số

.....,
ngày

Nơi kiểm
tra:.....

.....

Thời gian kiểm tra:

.....

.....

Cơ sở đăng kiểm tàu
cá

.....

.....

....., xác nhận cấp
tàu hàng năm lần thứ
3/trên đà(*) :.....

Được phép hoạt động
tại

vùng:.....

.....

.....

.....

.....

Đến ngày

.....tháng.....năm.

phải đưa tàu
vào kiểm tra

hàng năm.

.....ngày.....tháng...

..năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

.....*ngày*.....*tháng*...
..*năm*.....

ĐĂNG KIỂM TÀU
CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra tại
hàng năm số

.....
....., ngày
..... Nơi kiểm
tra:.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
.....
.....

....., xác nhận cấp
tàu hàng năm lần thứ 04 :
..... Được phép hoạt động
tại

vùng:.....
.....
.....
.....
.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.

phải đưa tàu
vào kiểm tra
định kỳ.

.....ngày.....tháng...
..năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU
CÁ

* Căn cứ kết quả
kiểm tra lần đầu/cải
hoán/định kỳ(*) đã
được thực hiện từ
ngày
..... đến
ngày

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng
năm tại biên bản số

.....ngày.....tháng...
..năm.....

.....
....., ngày
..... Nơi kiểm
tra:.....

ĐĂNG KIỂM TÀU
CÁ

.....
Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
.....
.....

....., xác nhận cấp tàu
hàng năm lần thứ nhất.....
Được phép hoạt động tại
vùng:.....
.....

Căn cứ kết quả kiểm
tra hàng năm/trên
đà(*) tại biên bản số
...

.....
.....
.....

.....
.....,
ngày
.....
Nơi kiểm

Đến ngày
.....tháng.....năm.
phải đưa tàu vào kiểm
tra

tra:.....
.....
.....

hàng năm.

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

.....

.....

....., xác nhận cấp tàu
hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*)

:

Được phép hoạt động tại
vùng:.....

.....

.....

.....

.....

Đến ngày

.....tháng.....năm.

phải đưa tàu vào kiểm
tra

trên đà/hàng năm^(*).

.....ngày.....tháng.....năm...

..

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên
đà tại biên bản số

.....
....., ngày
..... Nơi kiểm
tra:.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
.....
.....
....., xác nhận
cấp tàu trên đà:

Được phép hoạt động tại
vùng:.....
.....
.....
.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.
phải đưa tàu vào kiểm
tra
hàng năm.

.....ngày.....tháng...
..năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU
CÁ

Căn cứ kết quả kiểm
tra hàng năm/trên
đà(*) tại biên bản số
...

.....
.....,
ngày

Nơi kiểm
tra:.....
.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu
cá

.....

, xác nhận cấp tàu
 hàng năm lần thứ 03/trên đà^(*)
 : Được phép hoạt động
 tại
 vùng:.....

 Đến ngày
tháng.....năm.
 phải đưa tàu vào kiểm
 tra
 hàng năm.
ngày.....tháng.....năm...

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm
 tra hàng năm tại biên
 bản số ...

,
 ngày

 Nơi kiểm
 tra:.....

 Thời gian kiểm tra:

 Cơ sở đăng kiểm tàu
 cá

, xác nhận cấp
 tàu hàng năm lần thứ
 04
 Được phép hoạt động
 tại
 vùng:.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.

phải đưa tàu vào kiểm
tra

định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm...

..

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần
đầu/cải hoán/định kỳ(*) đã
được thực hiện từ ngày
..... đến ngày
.....; tại:

.....

.....

..... Cơ sở đăng kiểm tàu

cá:.....

.....

xác nhận tàu được
nhận cấp/phục hồi
cấp(*) với ký hiệu
dưới đây:

Được phép hoạt động
tại

vùng:.....

.....

.....

.....

.....

Ngày hoàn thành
kiểm tra định kỳ:

Ngàytháng ...năm

....

Đến ngày
.....tháng.....năm.

phải đưa tàu
vào kiểm tra hàng

năm.

.....ngày.....tháng...

..năm.....

**ĐĂNG KIỂM TÀU
CÁ**

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...

.....
....., ngày
..... Nơi kiểm tra:.....
.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
.....
.....

....., xác nhận cấp
tàu hàng năm lần thứ nhất:
..... Được phép hoạt động tại
vùng:.....
.....

.....
.....
.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.
phải đưa tàu vào kiểm tra
hàng năm.

.....ngày.....tháng...
..năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số ...

.....
.....,
ngày
.....
Nơi kiểm tra:.....
.....
.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
.....
.....

....., xác nhận cấp tàu
hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*)
: Được phép hoạt động
tại
vùng:.....
.....
.....
.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.
phải đưa tàu vào kiểm
tra
trên đà/hàng năm^(*).
.....ngày.....tháng.....năm...
..

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm
trên đà tại biên bản số
.....

.....
.....,
ngày
.....
Nơi kiểm
tra:.....
.....
.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu
cá
.....
.....

....., xác
nhận cấp tàu trên đà:
.....

Được phép hoạt động
tại
vùng:.....
.....
.....
.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.

phải đưa tàu vào kiểm
tra

hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm...

..

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng
năm/trên đà(*) tại biên bản số

...

.....

....., ngày

..... Nơi kiểm

tra:.....

.....

Thời gian kiểm tra:

.....

.....

Cơ sở đăng kiểm tàu
cá

.....

.....

....., xác nhận cấp

tàu hàng năm lần thứ

03/trên đà(*)

Được phép hoạt động

tại

vùng:.....

.....

.....

.....

.....

Đến ngày

.....tháng.....năm.

phải đưa tàu

vào kiểm tra

hàng năm.

.....ngày.....tháng...

..năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU

CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàngngày.....tháng...
năm tại biên bản số..năm.....

..... ĐĂNG KIỂM TÀU
..... CÁ

....., ngày
..... Nơi kiểm
tra:.....

.....

Thời gian kiểm tra:

.....

..... * Căn cứ kết quả
kiểm tra lần đầu/cải
Cơ sở đăng kiểm tàu cá hoán/định kỳ(*) đã
..... được thực

..... hiện từ ngày
....., xác nhận đến
cấp tàu hàng năm lần thứ 04: ngày
..... Được phép hoạt động tại;
vùng:..... tại:

.....

.....
.....
.....
..... Cơ sở đăng kiểm

Đến ngày tàu
.....tháng.....năm. cá:.....

phải đưa tàu vào kiểm
tra

định kỳ.

xác nhận tàu được nhận Căn cứ kết quả kiểm
cấp/phục hồi cấp(*) với ký tra hàng năm tại biên
hiệu dưới đây: bản số ...

.....

Được phép hoạt động tại ngày

vùng:.....

..... Nơi kiểm

..... tra:.....

.....

.....

Ngày hoàn thành kiểm tra Thời gian kiểm tra:

định kỳ: Ngàytháng.....

năm

Đến ngày Cơ sở đăng kiểm tàu

.....tháng.....năm. cá

phải đưa tàu vào kiểm.....

tra hàng

năm. , xác

.....ngày.....tháng.....năm... nhận cấp tàu hàng

.. năm lần thứ 01:

Được phép hoạt động

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ tại

vùng:.....

.....

..... Thời gian kiểm tra:

.....

.....

Đến ngày Cơ sở đăng kiểm tàu

.....tháng.....năm. cá

phải đưa tàu vào kiểm.....

tra

hàng năm., xác nhận cấp

.....ngày.....tháng.....năm... tàu hàng năm lần thứ

.. 02/trên đà(*)

ĐƯỢC PHÉP HOẠT ĐỘNG

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

tại

vùng:.....

.....

.....

.....

.....

Đến ngày

.....tháng.....năm.

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng phải đưa tàu

năm/trên đà(*) tại biên bản số vào kiểm tra

...

trên đà/hàng năm(*).

.....

....., ngày.....ngày.....tháng...

..... Nơi kiểm.....năm.....

tra:..... ĐĂNG KIỂM TÀU

.....

CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên
đà tại biên bản số ...

.....
....., ngày
..... Nơi kiểm
tra:.....
.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
.....
.....

....., xác nhận cấp tàu trên
đà

Được phép hoạt động tại
vùng:.....
.....

.....
.....
.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.....ph

ải đưa tàu vào kiểm
tra hàng năm.

.....ngày.....tháng...
..năm.....

**ĐĂNG KIỂM TÀU
CÁ**

Căn cứ kết quả kiểm
tra hàng năm/trên
đà(*) tại biên bản số
...

.....
.....
.....,

ngày
.....
Nơi kiểm

tra:.....

.....

Thời gian kiểm tra:

.....

.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

.....

.....

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà^(*)

..... Được phép hoạt động tại

vùng:.....

.....

.....

.....

.....

Đến ngày

.....tháng.....năm.....ph

ải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm...

..

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...

.....

.....,

ngày

.....

Nơi kiểm

tra:.....

.....

.....

Thời gian kiểm tra:

.....

.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

.....

.....

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04: Được phép hoạt động tại

vùng:.....

.....

.....

.....

.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.....ph
ải đưa tàu vào kiểm tra định
kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm...
..

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần
đầu/cải hoán/định kỳ(*) đã
được thực hiện từ ngày
..... đến ngày
.....; tại:

.....
.....
..... Cơ sở đăng kiểm tàu
cá:.....
.....

xác nhận tàu được nhận
cấp/phục hồi cấp(*) với ký
hiệu dưới đây:

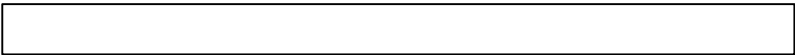
Được phép hoạt động
tại
vùng:.....

.....
.....
.....
.....

Ngày kết thúc kiểm
tra định kỳ: Ngày
.....tháng năm
.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.
.....phải đưa tàu vào
kiểm tra hàng năm.
.....ngày.....tháng...
..năm.....

**ĐĂNG KIỂM TÀU
CÁ**



Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...

.....
....., ngày

Nơi kiểm tra:.....
.....

Thời gian kiểm tra:.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:

Được phép hoạt động tại vùng:.....
.....

.....
.....
.....

Đến ngàytháng.....năm.....phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng...
..năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà^(*) tại biên bản số ...

.....
....., ngày

Nơi kiểm tra:.....
.....

.....

Thời gian kiểm tra:.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
.....
.....

....., xác nhận cấp tàu
hàng năm lần thứ 02/trên
đà^(*): Được phép hoạt
động tại
vùng:.....
.....

.....
.....
.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.....ph
ải đưa tàu vào kiểm tra trên
đà/hàng năm^(*).

.....ngày.....tháng.....năm...
..

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm
tra trên đà tại biên bản
số ...

.....
.....,
ngày

.....
Nơi kiểm
tra:.....
.....
.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu
cá
.....
.....

....., xác nhận
cấp tàu trên đà:

Được phép hoạt động
tại
vùng:.....
.....

.....
.....
.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.....ph
ải đưa tàu vào kiểm tra hàng
năm.

.....ngày.....tháng.....năm...
..

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng
năm/trên đà(*) tại biên bản số
...

.....
....., ngày
..... Nơi kiểm
tra:.....
.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu
cá

.....
.....

....., xác nhận
cấp tàu hàng năm lần
thứ 03/trên đà(*):
Được phép hoạt động
tại
vùng:.....

.....
.....
.....
.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.
.....phải đưa tàu vào
kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng...
..năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU
CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng
 năm tại biên bản số ...

, ngày
 Nơi kiểm tra:.....

 Thời gian kiểm tra:

 Cơ sở đăng kiểm tàu cá

, xác nhận cấp tàu
 hàng năm lần thứ 04:
 Được phép hoạt động tại
 vùng:.....

 Đến ngày
tháng.....năm.....ph

ải đưa tàu vào kiểm
 tra hàng năm.

.....ngày.....tháng...
 ..năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU
 CÁ

* Căn cứ kết quả
 kiểm tra lần đầu/cải
 hoán/định kỳ(*) đã
 được thực

hiện từ ngày
 đến
 ngày

.....;
 tại:

..... Cơ sở đăng kiểm
 tàu
 cá:.....

..... Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...
 xác nhận tàu được nhận cấp/phục hồi cấp(*) với ký hiệu dưới đây:

.....
, ngày

Được phép hoạt động tại Nơi kiểm tra:.....
 vùng:.....

..... Thời gian kiểm tra:

Ngày kết thúc kiểm tra định Cơ sở đăng kiểm tàu cá
 kỳ: Ngàythángnăm

Đến ngàytháng.....năm.....ph
 ải đưa tàu vào kiểm tra hàng
 năm., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 01:

.....ngày.....tháng.....năm...
 ..
 ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngày Cơ sở đăng kiểm tàu
tháng.....năm.....ph cá
 ải đưa tàu vào kiểm tra
 hàng năm.
ngày.....tháng.....năm..., xác nhận
 .. cấp tàu hàng năm lần
 thứ 02/trên đà^(*):
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ Được phép hoạt động
 tại
 vùng:.....

 Căn cứ kết quả kiểm tra hàng Đến ngày
 năm/trên đà^(*) tại biên bản sốtháng.....năm.
phải đưa tàu vào
 kiểm tra trên đà/hàng
, ngày năm^(*).

ngày.....tháng...
 Nơi kiểm ..năm.....
 tra:.....

ĐĂNG KIỂM TÀU
CÁ
 Thời gian kiểm tra:

Căn cứ kết quả kiểm tra trên
đà tại biên bản số ...

.....
....., ngày
..... Nơi kiểm
tra:.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
.....
.....
....., xác nhận cấp tàu
trên đà:

Được phép hoạt động tại
vùng:.....
.....

.....
.....
...

Đến ngày
.....tháng.....năm.....ph
ải đưa tàu vào kiểm tra
hàng năm.

.....ngày.....tháng...
..năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU
CÁ

Căn cứ kết quả kiểm
tra hàng năm/trên
đà(*) tại biên bản số
...

.....
.....,
ngày

Nơi kiểm
tra:.....
.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
.....
.....

....., xác nhận cấp tàu
hàng năm lần thứ 03/trên
đà^(*): Được phép hoạt
động tại
vùng:.....
.....

.....
.....
.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.....ph
ải đưa tàu vào kiểm tra hàng
năm.

Căn cứ kết quả kiểm
tra hàng năm tại biên
bản số ...

.....
....., ngày
.....

Nơi kiểm
tra:.....
.....
.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu
cá
.....
.....

....., xác nhận
cấp tàu hàng năm lần
thứ 04:

Được phép hoạt động
tại
vùng:.....
.....

.....
.....
.....

Đến ngày
tháng.....năm.....ph
 ải đưa tàu vào kiểm tra hàng
 năm.

.....ngày.....tháng...
 ..năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU
 CÁ

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Ghi chú: (*) Gạch bỏ chỗ không phù hợp.

.....ngày.....tháng.....năm.....
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

119

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....

Số đăng ký:.....

Nơi đăng ký:.....

Ngày đăng ký:.....

... Chủ tàu:.....

... Nơi thường trú:.....

... Ngày xóa đăng ký:

...

.....ngày.....tháng.....năm.....
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

.....ngày.....tháng.....năm.....
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI SỞ HỮU

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....

Số đăng ký:.....

Nơi đăng ký:.....

Ngày đăng ký:.....

Chủ tàu:.....

Nơi thường trú:.....

Ngày xóa đăng ký:

.....ngày.....tháng.....năm.....
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

Mẫu số 06b.BĐ

MẪU SỐ ĐĂNG KIỆM TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN



**SỔ ĐĂNG KIỂM
TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN**

ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TÀU

Kiểu tàu: Năm đóng:

Nơi đóng:

Công dụng:

Số lượng thuyền viên, các trang thiết bị lắp đặt trên tàu và kết quả giám sát kỹ thuật của tàu, quy chuẩn kỹ thuật tàu cá và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Kích thước L_{max}, m; B_{max}, m; D, m

L_{TK}, m; B_{TK}, m; d, m

Tổng dung tích (GT).....; Mạn khô f, m :

Trọng tải toàn phần (DW):.....; Vật liệu vỏ:

Hệ thống kết cấu.....; Tốc độ tàu.....

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG SỔ

Sổ đăng kiểm tàu công vụ thủy sản được lập trên cơ sở hồ sơ kỹ thuật của tàu, các trang thiết bị lắp đặt trên tàu và kết quả giám sát kỹ thuật của Đăng kiểm tàu cá trong đóng mới, lần đầu. Các thông số kỹ thuật thỏa mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Trạng thái kỹ thuật của tàu theo chu kỳ phải được Đăng kiểm tàu cá kiểm tra và xác nhận vào sổ này.

Sổ đăng kiểm tàu công vụ thủy sản dùng trong suốt đời con tàu để ghi các thông số chính bao gồm cấp tàu, mạn khô, trang thiết bị, tổng dung tích.

Những thay đổi (nếu có) của tàu và các trang thiết bị lắp đặt trên tàu phải được Đăng kiểm tàu cá kiểm tra, xác nhận cho đến khi tàu không còn được sử dụng (giải bản, chìm đắm không thể trục vớt).

Sổ Đăng kiểm tàu công vụ thủy sản phải được lưu giữ trên tàu cùng với Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và các biên bản kiểm tra kỹ thuật do Đăng kiểm tàu cá cấp.

Cấp tại.....ngày.....tháng.....năm.....

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

MÁY CHÍNH

Các thông số kỹ thuật chủ yếu Máy số 1, Máy số 2, Máy số 3

Ký hiệu máy:

Số máy:

Công suất định mức N_e, KW

Vòng quay định mức $n_e, v/ph$

Nơi chế tạo:

Năm chế tạo:

Kiểu hộp số:

Tỷ số truyền, tiến:
lùi:

MÁY PHỤ

TT	Ký hiệu	Công suất N_e , KW	Vòng quay $n_e, v/ph$	Công dụng	Nơi chế tạo
T	máy				

THIẾT BỊ ĐẨY TÀU

Đặc tính kỹ thuật **Chân vịt 1** **Chân vịt 2** **Chân vịt 3**

Kiểu:

Vật liệu chế tạo:

Vòng quay $n_{cv}, v/ph$:

Đường kính D_{cv}, m :

Số cánh Z:

Khối lượng, Kg:

Tỉ số H/D:

Tỉ số mặt đĩa θ :

TRANG BỊ CỨU SINH

Phao bè:..... Số lượng:..... Sức chở:người

Dụng cụ nổi:..... Số lượng:..... Sức chở:người

Phao tròn: chiếc Phao áo: chiếc

THIẾT BỊ ĐIỆN

Số lượng máy phát:..... Kiểu máy phát:

Công suất (KW): Điện áp (V):

Ắc quy loại: dung lượng (Ah): Số lượng: ...

THIẾT BỊ KHÍ NÉN

Ký hiệu máy nén:; Số lượng và dung tích bình:

Năm và nơi sản xuất:

Áp suất làm việc..... KG/ cm³

THIẾT BỊ NÂNG

Kiểu loại:....., Ký hiệu: Vật liệu:

Số lượng (cái): Hệ thống điều khiển:

Kết cấu: Tầm với (m):

Tải trọng (KG):; Móc cầu (cái):

Pa lăng (cái):.....; Tải trọng (KG):.....; Ròng rọc(cái): ...

THIẾT BỊ LẠNH

Máy nén: Số lượng: cái

Áp suất nén:.....KG/cm² Tác nhân lạnh:

Năm và nơi sản xuất:

Bình ngưng Số lượng: cái Dung tích: m³

Áp suất.....KG/cm²

Năm và nơi sản xuất:

TRANG BỊ CỨU HOẢ

Bơm nước: Số lượng: Lưu lượng m³/h

Bình bọt: bình Bình CO₂..... bình

Ròng rọc Xô múc nước Cát

Xà beng Xẻng Rìu Bạt

Hệ thống cứu hỏa bằng CO₂:

THIẾT BỊ NGĂN NGỪA Ô NHIỄM BIỂN

Thiết bị phân ly:....., Ký hiệu:.....Lưu lượng:....m³/h

Kết dầu cặn: Số lượng: ... Dung tích:.....m³

Kết nước thải: Số lượng: Dung tích:.....m³

Thùng rác Số lượng: Thể tích:m³

Các thiết bị khác:

THIẾT BỊ NEO - CHẰNG BUỘC

Loại neo: ; Năm, nơi chế tạo:.....

Trọng lượng neo: Neo trái: kg
Neo phải: kg

Chiều dài xích Neo phải: m Neo trái: m
neo:

Đường kính xích neo: mm

Thiết bị chằng buộc:

Dây buộc: Loại: Số lượng: Chiều dài: m

Cột buộc: Kiểu: Số lượng: Vật liệu:

THIẾT BỊ LÁI

Lái chính kiểu:; Lái phụ kiểu:
.....

Truyền dẫn lái:
.....

ĐẶC TÍNH HÀNG HẢI

- Tốc độ tự do, hải lý/h:
.....

- Đường kính vòng quay trở:

- Bạt chống thùng Gỗ chống thùng
 Xi măng chống thùng Đồ nghề và đỉnh
 Phoi xảm, dụng cụ xảm Matít

TRANG BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

- Máy thu phát vô tuyến MF/HF:
 Máy thu phát vô tuyến điện thoại cực ngắn MF:
 Máy thu phát VHF hai chiều:
 Máy thu trực canh tần số cấp cứu:
 Các thiết bị khác:

TRANG BỊ HÀNG HẢI

- La bàn từ La bàn lái Sào đo nước
 Ống nhòm Đồng hồ đo nghiêng Bộ cờ hàng hải
 Rada hàng hải Máy thu định vị vệ tinh GPS
 Các thiết bị khác:

Đăng kiểm tàu cá chứng nhận:

TRANG BỊ TÍN HIỆU

- Đèn tín hiệu hành trình: Pháo hiệu:.....
 Vật hiệu: Âm hiệu:.....
 Đèn tín hiệu nhấp nháy:..... Thiết bị phản xạ ra đa:.....

KHOANG, HẦM

- Khoang lạnh: Số lượng: Tổng dung tích:.....tấn
Hầm nước: Số lượng: Tổng dung tích:.....tấn
Các hầm khác: Neo..... Dụng cụ..... Tạp vật.....

(hàng năm) lại.

Ngàytháng năm

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Quay phải, *m* ; Thời gian, *s*:
.....

Quay trái, *m* ; Thời gian, *s*:
.....

- Quán
tính:

Tiến, khoảng cách, *m* ; Thời gian, *s*:
.....

Lùi, khoảng cách, *m* ; Thời gian, *s*:
.....

- Tàu được nhận cấp với ký hiệu dưới đây:
- Trạng thái kỹ thuật của tàu:.....
- Ngày kết thúc kiểm tra định kỳ: Ngàytháng năm ...
- Được phép hoạt động tại vùng: Đến
ngàytháng.....năm. phải đưa tàu vào kiểm tra

.....

CHI TIẾT CHU KỲ KIỂM TRA

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số

....., ngày Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất:..... Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....

Đến ngàytháng.....năm.

..... phải đưa tàu vào kiểm tra hàng năm.

.....ngày.....tháng... ..năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số ...

..... ngày

Nơi kiểm tra:.....

.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
.....
.....

....., xác nhận cấp tàu hàng
năm lần thứ 02/trên
đà^(*):..... Được phép hoạt
động tại
vùng:.....
.....
.....
.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.
phải đưa tàu vào kiểm
tra
trên đà/hàng năm^(*).

Căn cứ kết quả kiểm
tra trên đà tại biên bản
số ...

.....
....., ngày
.....

Nơi kiểm
tra:.....
.....
.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu
cá
.....
.....

....., xác nhận cấp
tàu trên đà

Được phép hoạt động
tại
vùng:.....
.....
.....
.....
.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.

phải đưa tàu vào kiểm
tra
hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm...

..

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng
năm/trên đà^(*) tại biên bản số

...

.....,
ngày

Nơi kiểm
tra:.....

.....

Thời gian kiểm tra:

.....

.....

Cơ sở đăng kiểm tàu
cá

.....

.....

....., xác nhận cấp
tàu hàng năm lần thứ
3/trên đà^(*) :.....

Được phép hoạt động
tại

vùng:.....

.....

.....

.....

.....

Đến ngày

.....tháng.....năm.

phải đưa tàu
vào kiểm tra

hàng năm.

.....ngày.....tháng...

..năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

.....*ngày*.....*tháng*...
..*năm*.....

ĐĂNG KIỂM TÀU
CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số

.....ngày.....tháng...
..năm.....

.....
....., ngày
..... Nơi kiểm tra:.....
.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
.....
.....

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ(*) đã được thực hiện từ ngày

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04:
Được phép hoạt động tại vùng:.....
.....
.....
.....

..... đến ngày
.....;
tại:

Đến ngày
.....tháng.....năm.
..... phải đưa tàu vào kiểm tra

..... Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....

định kỳ.

.....	Thời gian kiểm tra:
.....
.....
Đến ngày	Cơ sở đăng kiểm tàu
.....tháng.....năm.	cá
phải đưa tàu vào kiểm
tra
hàng năm., xác nhận
	cấp tàu hàng năm lần
	thứ 02/trên đà ^(*)
.....ngày.....tháng.....năm...	Được phép hoạt động
..	tại
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ	vùng:.....

	Đến ngày
tháng.....năm.
	phải đưa tàu
Căn cứ kết quả kiểm tra hàng	vào kiểm tra
năm/trên đà ^(*) tại biên bản số	trên đà/hàng năm ^(*) .
.....ngày.....tháng...
....., ngày	..năm.....
..... Nơi kiểm	
tra:.....	ĐĂNG KIỂM TÀU
.....	CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên
đà tại biên bản số
.....

....., ngày
.....

..... Nơi kiểm
tra:.....
.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
.....
.....

....., xác nhận cấp tàu
trên đà:
..... Được
phép hoạt động tại
vùng:.....
.....
.....
.....
.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.

phải đưa tàu
vào kiểm tra
hàng năm.

.....ngày.....tháng...
..năm.....

**ĐĂNG KIỂM TÀU
CÁ**

Căn cứ kết quả kiểm
tra hàng năm/trên
đà(*) tại biên bản số ...

.....
.....,
ngày

.....
Nơi kiểm
tra:.....

.....
.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
.....
.....

....., xác nhận cấp tàu
hàng năm lần thứ 03/trên
đà^(*)..... Được phép hoạt
động tại
vùng:.....
.....

.....
.....
.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.

phải đưa tàu vào kiểm
tra
hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm...

..

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm
tra tại hàng năm số
.....

.....
.....,
ngày

.....
Nơi kiểm
tra:.....
.....
.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu
cá
.....
.....

....., xác
nhận cấp tàu hàng
năm lần thứ 04 :

Được phép hoạt động
tại
vùng:.....
.....

.....
.....
.....
.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.
phải đưa tàu vào kiểm
tra
định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm...

..

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần
đầu/cải hoán/định kỳ(*) đã
được thực hiện từ ngày
..... đến ngày
.....; tại:

.....
.....
..... Cơ sở đăng kiểm tàu

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

cá:.....
.....
.....

xác nhận tàu được
nhận cấp/phục hồi
cấp(*) với ký hiệu
dưới đây:

Được phép hoạt động
tại

vùng:.....

.....

.....

.....

.....

Ngày kết thúc kiểm
tra định kỳ: Ngày
.....tháng năm ...

Đến ngày
.....tháng.....năm.

phải đưa tàu
vào kiểm tra hàng
năm.

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số

.....
....., ngày
..... Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
.....
.....

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ nhất.....
Được phép hoạt động tại vùng:.....
.....

.....
.....
.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.
phải đưa tàu vào kiểm tra
hàng năm.

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà tại biên bản số

.....
....., ngày

Nơi kiểm tra:.....
.....
.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
.....
.....

....., xác nhận cấp tàu trên đà:
.....

Được phép hoạt động tại vùng:.....
.....
.....
.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.
phải đưa tàu vào kiểm
tra

.....ngày.....tháng.....năm...

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng
năm/trên đà(*) tại biên bản số
...

.....
....., ngày
..... Nơi kiểm
tra:.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

hàng năm.

Cơ sở đăng kiểm tàu
cá

.....
.....

....., xác nhận cấp
tàu hàng năm lần thứ
02/trên đà(*) :

Được phép hoạt động
tại
vùng:.....

.....
.....
.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.

phải đưa tàu
vào kiểm tra

trên đà/hàng năm(*).

.....ngày.....tháng...
..năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU
CÁ

.....ngày.....tháng.....năm...

..

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số

...

.....
....., ngày
..... Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
.....
.....

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà(*) : Được phép hoạt động

tại vùng:.....

.....
.....
.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.
phải đưa tàu vào kiểm tra

hàng năm.
.....ngày.....tháng...
..năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...

.....
....., ngày
..... Nơi kiểm tra:.....
.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
.....
.....

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04

Được phép hoạt động tại vùng:.....
.....

.....
.....
.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.
phải đưa tàu vào kiểm tra

định kỳ.
.....ngày.....tháng...
..năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần đầu/cải hoán/định kỳ(*) đã được thực hiện từ ngày
..... đến ngày
.....;

tại:
.....
.....
..... Cơ sở đăng kiểm tàu cá:.....

.....
xác nhận tàu được nhận
cấp/phục hồi cấp(*) với ký
hiệu dưới đây:

Căn cứ kết quả kiểm
tra hàng năm tại biên
bản số ...
.....

Được phép hoạt động tại
vùng:.....
.....

.....,
ngày
.....
Nơi kiểm
tra:.....

.....
.....
.....

.....
.....

Ngày kết thúc kiểm tra định
kỳ: Ngàythángnăm ...

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Đếntháng.....năm.

Cơ sở đăng kiểm tàu
cá

..... phải đưa tàu vào kiểm
tra hàng

.....
.....

năm.
.....ngày.....tháng.....năm...

....., xác
nhận cấp tàu hàng
năm lần thứ nhất:

..

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

..... Được phép hoạt
động tại
vùng:.....
.....

.....

 Đến ngày
tháng.....năm.
 phải đưa tàu vào kiểm
 tra
 hàng năm.
ngày.....tháng.....năm...
 ..

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng
 năm/trên đà^(*) tại biên bản số
 ...

, ngày
 Nơi kiểm
 tra:.....

Thời gian kiểm tra:

 Cơ sở đăng kiểm tàu
 cá

, xác nhận cấp
 tàu hàng năm lần thứ
 02/trên đà^(*) :
 Được phép hoạt động
 tại
 vùng:.....

Đến ngày
tháng.....năm.
 phải đưa tàu
 vào kiểm tra
 trên đà/hàng năm^(*).
ngày.....tháng...
 ..năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra trên đà
tại biên bản số

.....
....., ngày
..... Nơi kiểm
tra:.....

.....
Thời gian kiểm tra:
.....

.....
Cơ sở đăng kiểm tàu cá
.....
.....

....., xác nhận
cấp tàu trên đà:

Được phép hoạt động tại
vùng:.....

.....
.....
.....
.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.

phải đưa tàu vào kiểm
tra
hàng năm.

.....ngày.....tháng...
..năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU
CÁ

Căn cứ kết quả kiểm
tra hàng năm/trên
đà^(*) tại biên bản số
...

.....
.....,
ngày

.....
Nơi kiểm
tra:.....
.....
.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu
cá
.....
.....

....., xác nhận cấp tàu
hàng năm lần thứ 03/trên đà^(*)
..... Được phép hoạt động
tại

vùng:.....

.....

.....

.....

.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.

phải đưa tàu vào kiểm
tra

hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm...

..

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm
tra hàng năm tại biên
bản số

.....

.....,

ngày

.....

Nơi kiểm

tra:.....

.....

.....

Thời gian kiểm tra:

.....

.....

Cơ sở đăng kiểm tàu
cá

.....

.....

....., xác
nhận cấp tàu hàng
năm lần thứ 04:

Được phép hoạt động
tại

vùng:.....

.....

.....

.....

.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.
phải đưa tàu vào kiểm
tra

xác nhận tàu được
nhận cấp/phục hồi
cấp(*) với ký hiệu
dưới đây:

định kỳ.

.....ngày.....tháng.....năm...

Được phép hoạt động
tại
vùng:.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

.....
.....
.....

Ngày kết thúc kiểm
tra định kỳ: Ngày
.....tháng năm ...

* Căn cứ kết quả kiểm tra lần
đầu/cải hoán/định kỳ(*) đã
được thực hiện từ ngày
..... đến ngày
.....; tại:

Đến ngày
.....tháng.....năm.
phải đưa tàu
vào kiểm tra hàng

.....
.....
..... Cơ sở đăng kiểm tàu
cá:.....
.....

năm.

.....ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Căn cứ kết quả kiểm tra hàngngày.....tháng...
 năm tại biên bản sốnăm.....

..... ĐĂNG KIỂM TÀU
, ngày CÁ
 Nơi kiểm
 tra:.....

.....
 Thời gian kiểm tra:

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
 Căn cứ kết quả kiểm
 tra hàng năm/trên
, xác nhận đà(*) tại biên bản số
 cấp tàu hàng năm lần thứ 01: ...

..... Được phép hoạt động
 tại
 vùng:..... ngày

 Nơi kiểm
 tra:.....

Đếntháng.....năm.....ph ngày Thời gian kiểm tra:

 ải đưa tàu vào kiểm tra

 hàng năm. Cơ sở đăng kiểm tàu cá

..... Căn cứ kết quả kiểm
 tra trên đà tại biên bản
, xác nhận cấp tàu số ...
 hàng năm lần thứ 02/trên đà^(*)

..... Được phép hoạt động,
 tại ngày
 vùng:.....
 Nơi kiểm
 tra:.....

 Đến ngày Thời gian kiểm tra:
tháng.....năm.....ph
 ải đưa tàu vào kiểm tra trên
 đà/hàng năm^(*). Cơ sở đăng kiểm tàu
 cá
ngày.....tháng.....năm...
 ..

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

....., xác nhận cấp
 tàu trên đà

Được phép hoạt động
 tại
 vùng:.....

Đến ngày Cơ sở đăng kiểm tàu
tháng.....năm.....ph cá

ải đưa tàu vào kiểm tra

hàng năm.

.....ngày.....tháng.....năm..., xác nhận cấp
 tàu hàng năm lần thứ

.. 03/trên đà^(*)

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ Được phép hoạt động
 tại

vùng:.....

.....

.....

.....

.....

.....

Đến ngày

.....tháng.....năm.

Căn cứ kết quả kiểm tra hàngphải đưa tàu vào
 năm/trên đà^(*) tại biên bản số kiểm tra hàng năm.

...

.....

.....ngày.....tháng...

....., ngày ..năm.....

..... Nơi kiểm

tra:..... **ĐĂNG KIỂM TÀU**

..... **CÁ**

Thời gian kiểm tra:

.....

.....

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng ĐĂNG KIỂM TÀU
năm tại biên bản số ... CÁ

.....
....., ngày
..... Nơi kiểm
tra:.....

Thời gian kiểm tra:

.....
..... * Căn cứ kết quả
kiểm tra lần đầu/cải
Cơ sở đăng kiểm tàu cá hoán/định kỳ(*) đã
..... được thực hiện từ
..... ngày

....., xác nhận cấp tàu đến
hàng năm lần thứ 04: ... ngày

Được phép hoạt động tại;
vùng:..... tại:

.....
.....
.....
..... Cơ sở đăng kiểm

Đến ngày tàu
.....tháng.....năm.....ph cá:.....
ải đưa tàu vào kiểm tra

định kỳ.
..... ngày..... tháng..... năm... xác nhận tàu được
nhận cấp/phục hồi

..

cấp(*) với ký hiệu dưới đây: Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên

--

bản số ...

Được phép hoạt động tại
vùng:....., ngày
.....

..... Nơi kiểm
..... tra:.....
.....

Ngày kết thúc kiểm tra định
kỳ: Ngàythángnăm Thời gian kiểm tra:

Đến ngày
.....tháng.....năm.....ph
ải đưa tàu vào kiểm tra hàng Cơ sở đăng kiểm tàu cá
năm. cá
.....
.....ngày.....tháng.....năm....

..
ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ , xác nhận
cấp tàu hàng năm lần
thứ 01:

Được phép hoạt động
tại
vùng:.....
.....

Căn cứ kết quả kiểm tra trên
đà tại biên bản số

ĐĂNG KIỂM TÀU
CÁ

.....
....., ngày
..... Nơi kiểm
tra:.....

Thời gian kiểm tra:
.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá
.....
.....

....., xác nhận cấp
tàu trên đà:

Được phép hoạt động tại
vùng:.....
.....

.....
.....
.....

Đến ngày
.....tháng.....năm.....ph
ải đưa tàu vào kiểm tra hàng
năm.

.....ngày.....tháng.....năm...
..

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm tại biên bản số ...

.....
....., ngày
..... Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

.....
.....

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

.....
.....

Căn cứ kết quả kiểm tra hàng năm/trên đà(*) tại biên bản số ...

.....
....., ngày
.....

Nơi kiểm tra:.....

Thời gian kiểm tra:

.....
.....

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 04: Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....
.....
.....

Đến ngàytháng.....năm.phải đưa tàu vào kiểm tra định kỳ.

Cơ sở đăng kiểm tàu cá

.....
.....

....., xác nhận cấp tàu hàng năm lần thứ 03/trên đà(*): Được phép hoạt động tại vùng:.....

.....
.....
.....

Đến ngày
tháng.....năm.....ph
 ải đưa tàu vào kiểm tra hàng
 năm.

.....*ngày*.....*tháng*...
 ..*năm*.....

ĐĂNG KIỂM TÀU
 CÁ

.....*ngày*.....*tháng*.....*năm*.....

ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ

Ghi chú: (*) Gạch bỏ chỗ không phù hợp.

**TỔ CHỨC QUẢN LÝ, SỬ
DỤNG TÀU**

Tên tàu:....., Hô
hiệu:.....

Số **THAY ĐỔI TỔ** **đăng**
ký:..... **CHỨC QUẢN LÝ,**
..... **SỬ DỤNG**
...

Nơi **đăng**
ký:.....

Ngày **đăng**
ký:.....

Tên **tổ**
chức:.....
...

Địa
chỉ:.....
...

Ngày **xóa** **đăng** **ký:**
.....

.....*ngày*.....*tháng*.....*năm*...

..

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

THAY ĐỔI TỔ CHỨC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀU Ngày xóa đăng ký:

Tên tàu:.....*ngày.....tháng.....*, Hô
hiệu:..... *..năm.....*

Số CƠ QUAN ĐĂNG đăng
ký:.....**KÝ**.....

...

Nơi đăng
ký:.....

Ngày đăng
ký:.....

Tên **THAY ĐỔI TỔ** tổ
chức:..... **CHỨC QUẢN LÝ,**
... **SỬ DỤNG**

Địa
chỉ:.....

...

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....

Số đăng ký:.....

Nơi đăng ký:.....

Ngày đăng ký:.....

Tên tổ chức:.....

Địa chỉ:.....

Ngày xóa đăng ký:

Tên tàu:....., Hô hiệu:.....

Số đăng ký:.....

Nơi đăng ký:.....

Ngày đăng ký:.....

Tên tổ chức:.....

...

.....ngày.....tháng.....năm
..... CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

.....ngày.....tháng
.....năm..... CƠ
QUAN ĐĂNG KÝ

Mẫu số 07.BĐ

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT MÁY THỦY ĐÃ QUA SỬ DỤNG TRƯỚC KHI LẮP ĐẶT XUỐNG TÀU

CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /ĐKTC.....

....., ngày tháng..... năm 20...

**BIÊN BẢN KIỂM TRA KỸ THUẬT MÁY THỦY ĐÃ QUA SỬ DỤNG T RƯỚC KHI LẮP ĐẶT XUỐNG TÀU**

Theo yêu cầu của:..... Chúng
 tôi gồm:

1.....

2.....

3..... Là
 đăng kiểm viên tàu cá thuộc Cơ sở đăng kiểm tàu cá.....

Tiến hành kiểm tra kỹ thuật máy thủy đã qua sử dụng của... và đánh giá tình
 trạng kỹ thuật của máy thủy đã qua sử dụng như sau:

I. KIỂM TRA BÊN NGOÀI ⁽¹⁾

TT	Nội dung kiểm tra	Các thông số/tình trạng kỹ thuật	Đánh giá	
			Thỏa mãn	Không thỏa mãn
1	Nhà sản xuất			
2	Ký hiệu máy:			
3	Số máy:			
	Trên thân máy			
	Trên nhãn máy			

4	Công suất máy, Ne (kW)			
5	Vòng quay định mức (rpm)			
6	Năm/nơi chế tạo			
7	Số xy lanh (chiếc)			
8	Nắp máy, thân máy và các thiết bị phục vụ máy			
9	Hệ thống đồng hồ đo áp lực dầu			
10	Hệ thống đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát			
11	Hệ thống đồng hồ đo nhiệt độ khí xả			
12	Đồng hồ đo vòng quay máy			

II. THỬ HOẠT ĐỘNG ⁽²⁾

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả	Thông số kỹ thuật cho phép	Đánh giá	
				Thỏa mãn	Không thỏa mãn
1	Thử khởi động máy liên tục từ trạng thái nguội ⁽³⁾				
2	Thử vòng quay ổn định thấp nhất, n_{min} (rpm) ⁽⁴⁾				
3	Thử tăng tốc và giảm tốc đột ngột, nhiều lần (không dưới 3 lần) ⁽⁵⁾ .				
4	Thử tốc độ lớn nhất, n_{max} (rpm) ⁽⁶⁾ .				
5	Áp lực dầu bôi trơn (kg/cm^2)				
6	Nhiệt độ dầu bôi trơn ($^{\circ}C$)				
7	Nhiệt độ nước làm mát vòng trong ($^{\circ}C$)				
8	Nhiệt độ khí xả ($^{\circ}C$)				

III. KẾT LUẬN

Căn cứ kết quả kiểm tra, Đăng kiểm viên kết luận: Máy thủy đã qua sử dụng đủ điều kiện hay không đủ điều kiện lắp đặt trên tàu cá:.....

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN ĐẠI DIỆN NHÀ SẢN ĐĂNG KIỂM VIÊN
CHỦ TÀU **XUẤT/CƠ SỞ CUNG** *(Ký tên, đóng dấu)*
(Ký, ghi rõ họ tên) **CẤP/SỬA CHỮA MÁY**
(Ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Máy không nứt, vỡ, hàn vá, móp méo; các chữ, số in trên nhãn máy rõ ràng phù hợp với tài liệu kỹ thuật của máy; các đồng hồ đo còn đầy đủ, nguyên vẹn.
- (2) Thử tại xưởng. Cho phép thử sau khi đã lắp đặt xuống tàu đối với trường hợp chủ tàu cam kết chịu trách nhiệm tháo máy đưa ra khỏi tàu nếu kết quả thử không thỏa mãn.
- (3) Khởi động 12 lần đối với động cơ đảo chiều; 6 lần đối với động cơ không đảo chiều; quá trình thử không cấp thêm không khí nén cho bình khí nén khởi động máy (hoặc điện năng cho ắc quy khởi động máy); máy khởi động dễ dàng, không có lần thử nào không đạt kết quả.
- (4) Khi máy chạy đã nóng, giảm lượng cấp nhiên liệu đến mức tối thiểu, máy làm việc ổn định ở chế độ vòng quay nhỏ hơn 30% vòng quay định mức, trong thời gian ≥ 10 min.
- (5) Động cơ làm việc ổn định, không tự dừng, không có tiếng gõ bất thường của các cơ cấu chuyển động.
- (6) Tốc độ tối đa của động cơ không vượt quá 115% vòng quay định mức./.

DANH MỤC VẬT LIỆU, MÁY MÓC VÀ TRANG THIẾT BỊ LẮP ĐẶT TRÊN TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN (*)

STT	TÊN SẢN PHẨM	CƠ SỞ THỰC HIỆN
I	Vật liệu, máy móc, trang thiết bị sử dụng trên tàu	
1	Vật liệu	
1.1	Vật liệu kim loại - Thân tàu	
1.1.1	Vật liệu tấm	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT
1.1.2	Vật liệu định hình	QCVN 92:2025/BNNMT
1.1.3	Vật liệu đúc	
1.1.4	Vật liệu rèn	
1.2	Vật liệu composite (nhựa và sợi) – thân tàu	
1.3	Vật liệu để chế tạo trục chân vịt, trục lái	
2	Động cơ đốt trong	
2.1	Máy chính	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT
2.2	Máy phụ	QCVN 92:2025/BNNMT
2.3	Bu lông chân máy chính, chân hộp số	
3	Thiết bị neo và chằng buộc	
3.1	Xích neo và bộ phận liên quan	
3.2	Neo và phụ tùng	
3.3	Chặn xích	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT
3.4	Tời neo	QCVN 92:2025/BNNMT
3.5	Tời dây	
3.6	Cáp kéo và chằng buộc	

4	Trang bị hệ cửa và nắp hầm	
4.1	Nắp hầm (đồng tàu kim loại, Composite)	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT
4.2	Thiết bị thủy lực	QCVN 92:2025/BNNMT
4.3	Cửa hút lô có nắp thép	
4.4	Cửa mũi, cửa lái, cửa mạn	

4.5	Cửa kín nước	
4.6	Cửa kín thời tiết	
4.7	Cửa chống cháy	
5	Thiết bị lái và máy lái	
5.1	Bánh lái	
5.2	Trục lái	
5.3	Ổ đỡ	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT
5.4	Đòn lái	QCVN 92:2025/BNNMT
5.5	Bu lông nối liên kết đòn lái	
5.6	Máy lái	
5.7	Thiết bị điện cảnh báo và kiểm soát máy lái	
6	Bơm, Van và ống	
6.1	Van dùng cho hệ thống ống cấp I, II, III; van dầu hàng; van an toàn; van phòng sóng (van tự động một chiều), van thông biển, van thoát mạn và van áp suất chân không	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
6.2	Ống cấp I và II	
6.3	Bơm	
6.4	Xi lanh, động cơ, bơm thủy lực	
7	Nồi hơi, bình áp lực và hệ thống làm lạnh	
7.1	Nồi hơi	
7.2	Thiết bị sinh hơi (trên 0,35Mpa)	
7.3	Thiết bị dầu nóng và nước nóng (phục vụ hệ động lực)	

7.4	Thiết bị tự động và an toàn (kiểm soát áp suất, nhiệt độ, mức nước và van an toàn) cung cấp theo từng tàu.	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
7.5	Van an toàn	

7.6	Bình chịu áp lực PV-1; PV-2	
7.7	Hệ thống làm lạnh	
7.8	Tủ/hộp kiểm soát và cảnh báo của nồi hơi	
8	Thiết bị điện và tự động	
8.1	Tổ hợp máy phát	
8.2	Máy phát	
8.3	Động cơ điện, động cơ phòng nổ	
8.4	Tổ hợp máy phát điện sự cố	
8.5	Bảng điện chính	
8.6	Bảng điện phụ	
8.7	Bảng điện sự cố	
8.8	Bảng nạp và phóng	
8.9	Bàn điều khiển tập trung buồng máy	
8.10	Bàn điều khiển tập trung buồng lái	
8.11	Nguồn cấp, hệ điều khiển và cáp điện	
8.12	Tủ điện điều khiển	
8.13	Tủ/hộp kiểm soát và cảnh báo của máy chính/phụ	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT
8.14	Hệ thống điều khiển từ xa máy chính (kể cả các cảm biến)	QCVN 92:2025/BNNMT
8.15	Thiết bị ngắt mạch chính	
8.16	Thiết bị chuyển đổi điện	
8.17	Tổ hợp bảng khởi động điện	
9	Trục và thiết bị đẩy	
9.1	Trục trung gian và ổ đỡ	

9.2	Trục chân vịt	
-----	---------------	--

9.3	Ống bao trục	QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT	
9.4	Ổ đỡ ống bao		
9.5	Chân vịt		
9.6	Hệ đẩy kiểu Z		
9.7	Khớp nối cứng, khớp nối mềm		
9.8	Bu lông nối trục		
9.9	Hệ đẩy khác		
9.10	Chân vịt có bước điều khiển được		
10	Trang thiết bị cứu sinh		
10.1	Bè cứu sinh (gồm bè cứng và bơm hơi)		QCVN 64:2015/BGTVT; QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
10.2	Xuồng cấp cứu		
10.3	Phao bè tự thổi		
10.4	Dụng cụ nổi		
10.5	Thiết bị hạ (gồm cần hạ, tời, puly, cơ cấu nhả và dây)		
10.6	Phao tròn	QCVN 02-21: 2015/BNNMT TCVN 7283:2008	
10.7	Phao áo	QCVN 02-21: 2015/BNNMT TCVN 7282:2008	
11	Phương tiện tín hiệu		
11.1	Đèn tín hiệu hàng hải	QCVN 02-21: 2015/BNNMT	
11.2	Đèn tín hiệu nhấp nháy (chớp)	QCVN 02-21: 2015/BNNMT	
11.3	Đèn tín hiệu đánh cá	QCVN 02-21: 2015/BNNMT	
11.4	Phương tiện tín hiệu âm thanh	QCVN 02-21: 2015/BNNMT	
11.5	Pháo hiệu, vật hiệu	QCVN 02-21: 2015/BNNMT	

12	Trang thiết bị phục vụ khai thác thủy sản	
12.1	Các loại tời thu, thả lưới	QCVN 64:2015/BGTVT TCVN 8393:2021; TCVN 8394:2012 TCVN 8394:2012
12.2	Máy thu, thả câu	QCVN 64:2015/BGTVT TCVN 10596:2015

12.3	Hệ thống tăng gông	QCVN 64:2015/BGTVT
12.4	Hệ cầu	QCVN 91:2025/BNNMT QCVN 92:2025/BNNMT
II	Thiết bị đảm bảo an toàn tại cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá	
1	Phao neo, buộc tàu cá tại các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão	QCVN 72: 2014/BGTVT
2	Phao tín hiệu dẫn luồng cho cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão	
3	Đệm chống va cho cầu cảng	QCVN 21:2025/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT

Ghi chú:

(*) Vật liệu, máy móc, trang thiết bị khác chưa có tên trong Phụ lục này thì thực hiện việc kiểm tra theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Phụ lục II

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN ĐƯỢC
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI

Danh mục thủ tục hành chính nội bộ cấp Trung ương được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Tên VBQPPL quy định sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
1	5.000135	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu công vụ thủy sản	Thủy sản và Kiểm ngư	Điều 19 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026	Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	5.000134	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu công vụ thủy sản	Thủy sản và Kiểm ngư	Điều 20 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026	Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	5.000133	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu công vụ thủy sản	Thủy sản và Kiểm ngư	Điều 21 Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026	Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường